

Số: /KH-MNXTN

Thanh Nưa, ngày 29 tháng 8 năm 2025

KẾ HOẠCH
Nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ năm học 2025 - 2026

Căn cứ Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Thông tư ban hành Điều lệ Trường mầm non;

Căn cứ vào Chương trình Giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư 51/2022/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 163/QĐ- UBND, ngày 15 tháng 8 năm 2025 của UBND xã Thanh Nưa Quyết định Ban hành kế hoạch thời gian năm học 2025 – 2026 đối với Giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông trên địa bàn xã Thanh Nưa;

Căn cứ quyết định số 123/QĐ-MNTN, ngày 25 tháng 8 năm 2025 của Trường Mầm non xã Thanh Nưa về ban hành Chương trình giáo dục mầm non của Trường Mầm non xã Thanh Nưa, năm học 2025-2026;

Căn cứ tình hình thực tế của nhà trường, Trường Mầm non xã Thanh Nưa xây dựng kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục năm học 2025-2026 như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Đặc điểm tình hình của địa phương, nhà trường

- Trường Mầm non xã Thanh Nưa nằm trên địa bàn xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên, là xã biên giới. Trường có điểm trường chính và 02 điểm trường lẻ.

- Tổng số CBGVNV: 24 đ/c trong đó: BGH: 02 đ/c; GV: 19 đ/c; NV: 3 đ/c.

- Năm học 2025-2026 trường được giao 9 lớp với 231 học sinh, trong đó khối mẫu giáo: 6 lớp 157 trẻ, khối nhà trẻ: 3 lớp: 74 trẻ. Các nhóm lớp được đầu tư đồ dùng trang thiết bị phục vụ cho công tác nuôi dạy và chăm sóc cho trẻ đảm bảo theo yêu cầu và quy định của ngành học, qua đánh giá khảo sát chất lượng đầu năm học trẻ nhanh nhẹn, hoạt bát, phần lớn trẻ có sự phát triển bình thường về cân nặng và chiều cao so với độ tuổi. Trẻ yêu trường, mến lớp thích đến trường cùng cô và tham gia vào các hoạt động cùng các bạn.

2. Thuận lợi, khó khăn

2.1. Thuận lợi

- Trường nằm trên địa bàn xã có nhiều thuận lợi sau khi chuyển đổi mô hình chính quyền địa phương hai cấp: là xã lớn, trình độ dân trí và kinh tế khá phát triển; giao thông đi lại thuận tiện,...

- Nhà trường luôn nhận được sự chỉ đạo sát sao về chuyên môn của Sở GD&ĐT tỉnh Điện Biên; sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của cấp ủy Đảng, chính

quyền, Phòng VH-XH xã Thanh Nưa; sự ủng hộ của đông đảo các bậc phụ huynh học sinh về nhiều mặt.

- Tập thể cán bộ giáo viên, nhân viên trong nhà trường có tinh thần đoàn kết, có phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống tốt. Đa số giáo viên có năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững vàng với 100% giáo viên có trình độ chuyên môn đạt trên chuẩn, cơ bản đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục mầm non (GDMN) trong giai đoạn hiện nay.

- Các chế độ chính sách của Đảng, nhà nước về miễn học phí; hỗ trợ cho trẻ em nhà trẻ, mẫu giáo vùng dân tộc đặc biệt khó khăn, học sinh con hộ nghèo như: Hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ bữa ăn trưa đã tạo điều kiện cho học sinh đến trường và đi học chuyên cần hơn.

- Cơ sở vật chất của nhà trường đã được xây dựng kiên cố, bán kiên cố khang trang, trường có các phòng chức năng đầy đủ cho trẻ hoạt động như phòng tin học, phòng thư viện, phòng âm nhạc; trường có nhiều các khu vui chơi trải nghiệm cho trẻ thỏa sức khám phá như: khu vui chơi với cát, nước, khu giáo dục thể chất, khu trải nghiệm văn hóa dân tộc địa phương; vườn rau của bé; khu trải nghiệm âm thanh cuộc sống,... Các trang thiết bị, đồ dùng dạy học, đồ chơi và học liệu phục vụ cho hoạt động dạy và học ở trung tâm và các điểm trường được đầu tư đầy đủ.

- Học sinh 4 và 5 tuổi tại trung tâm trường đã được tiếp cận chương trình làm quen với tiếng Anh cho trẻ mẫu giáo.

- Trường có hệ thống cơ sở hạ tầng về công nghệ thông tin (CNTT) với các tra thiết bị như: máy tính có kết nối internet tại trung tâm và các điểm trường; có điện lưới quốc gia thuận lợi cho ứng dụng CNTT và chuyển đổi số; có nguồn nước sạch, công trình vệ sinh đạt chuẩn đảm bảo cho tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

- Trường đã đạt Trường chuẩn Quốc gia mức độ 2 và đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3.

2.2. *Khó khăn*

- Trường nằm trên địa bàn xã biên giới, thuộc khu vực có nhiều thôn bản, là xã thuần nông, đời sống kinh tế của một bộ phận nhân dân còn nghèo, do vậy việc huy động các nguồn vận động tài trợ tại địa phương để xây dựng và phát triển nhà trường còn hạn hẹp.

- Một số giáo viên chưa thực sự linh hoạt, sáng tạo, chưa tích cực đổi mới trong thực hiện chương trình GDMN; việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo trong dạy học chưa có sự chuyển biến mạnh mẽ.

- Việc lựa chọn nội dung trong lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động giáo dục phù hợp với bối cảnh địa phương và theo hướng tiếp cận với phương pháp giáo dục tiên tiến trên thế giới của một số giáo viên còn hạn chế.

- Đa số học sinh của trường là người dân tộc thiểu số (90,2%), những trẻ mới tuyển nhận thức còn chậm do khả năng giao tiếp bằng tiếng Việt của trẻ còn hạn chế, tập trung ở trẻ nhà trẻ và một số trẻ mẫu giáo bé mới ra lớp.

- Trường nằm tiếp giáp với trường Mầm non Thanh Trường thuộc Phường Điện Biên Phủ mới xây dựng khang trang, rộng rãi, giao thông đi lại thuận tiện nên có nhiều phụ huynh cho con đến học nhờ tại Trường Mầm non Thanh Trường, điều đó ảnh hưởng tới việc thực hiện chỉ tiêu về số học sinh của nhà trường.

II. NHIỆM VỤ GIẢI PHÁP NĂM HỌC 2025-2026

Năm học 2025-2026 tiếp tục thực hiện chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm”, xây dựng “Trường học hạnh phúc” với chủ đề năm học “**Kỷ cương- Sáng tạo- Đột phá- Phát triển**” nhà trường xác định các nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ như sau:

1. Công tác nuôi dưỡng

1.1. Nhiệm vụ

- 100% số trẻ được tổ chức ăn bán trú tại trường. Đảm bảo vệ sinh ATTP. Không để xảy ra tình trạng ngộ độc thức ăn. Tổ chức ăn đối với trẻ Nhà trẻ 18- 24 tháng, 24- 36 tháng 2 bữa chính, 1 bữa phụ và trẻ Mẫu giáo 1 bữa chính, 1 bữa phụ.

- Đảm bảo năng lượng cal đạt: 600- 651 cal/ngày/trẻ nhà trẻ.

615- 726 cal/ngày/trẻ mẫu giáo.

- 100% giáo viên thực hiện tốt công tác nuôi dưỡng, chăm sóc bữa ăn cho trẻ.

- 100% trẻ ăn đúng thực đơn theo ngày, ăn hết xuất.

- 100% nhóm lớp có góc tuyên truyền về các nội dung CSGD ở trường.

- 100% nhân viên nuôi dưỡng có chứng chỉ nghề, được khám sức khỏe, có kiến thức vệ sinh an toàn thực phẩm, có kỹ năng thực hiện quy trình bếp ăn một chiều, kỹ năng thực hành vệ sinh; chế biến món ăn phù hợp với trẻ.

- Tăng cường cơ sở vật chất, đồ dùng đảm bảo phục vụ bán trú.

1.2. Giải pháp

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao chất lượng bữa ăn bán trú tại trường cho trẻ, thỏa thuận, thống nhất với các phụ huynh duy trì mức ăn bán trú tại trường 20.000đ/ngày, đảm bảo đầy đủ nhu cầu năng lượng 1 ngày của trẻ ở trường mầm non theo quy định của Bộ giáo dục. Xây dựng chế độ ăn cân đối, đa dạng, hợp lý, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng theo quy định.

- Thực hiện nghiêm các quy định về an toàn thực phẩm: Đầu năm học nhà trường tổ chức ký hợp đồng thực phẩm với các cơ sở cung cấp có giấy chứng nhận đủ điều kiện VSATTP, có bản cam kết tuân thủ các nguyên tắc theo khuyến cáo của Bộ y tế, đồ dùng dụng cụ nấu ăn đảm bảo luôn sạch sẽ, bát thìa của trẻ được sấy tiệt trùng trước khi sử dụng ...Tuyệt đối không để xảy ra ngộ độc thực phẩm trong trường MN.

- Thực hiện nghiêm túc việc tổ chức công tác nuôi dưỡng theo quy định về số bữa ăn, nhu cầu dinh dưỡng khuyến nghị, phân bố bữa ăn phù hợp; Có sự tham gia giám sát của Ban đại diện cha mẹ trẻ em trong việc bảo đảm chất lượng bữa ăn và an toàn thực phẩm.

- Đẩy mạnh tích hợp/ lồng ghép “*giáo dục dinh dưỡng kết hợp vận động nhằm phát triển thể chất cân đối cho trẻ em*”.

- Chú trọng giáo dục trẻ về kỹ năng thực hành vệ sinh cá nhân, tự phục vụ và bảo vệ chăm sóc sức khỏe; lồng ghép nội dung giáo dục dinh dưỡng, sức khỏe, phòng, chống tai nạn thương tích trong thực hiện chế độ sinh hoạt hằng ngày phù hợp với điều kiện thực tế. Tăng cường dinh dưỡng kết hợp vận động nhằm bảo đảm hài hòa giữa chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục giúp trẻ em phát triển cơ thể cân đối, khỏe mạnh, nhanh nhẹn.

2. Công tác chăm sóc sức khỏe, đảm bảo an toàn cho trẻ

2.1. Nhiệm vụ

- 100% trẻ được đảm bảo an toàn về thể chất và tinh thần.
- 100 % trẻ được khám, theo dõi biểu đồ sức khỏe theo quy định.
- 100% trẻ được rửa mặt, rửa tay trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh và rửa tay sau các hoạt động theo kế hoạch truyền thông. Trẻ có thói quen tốt, thực hiện có nề nếp.
- 100% nhóm trẻ phải có đủ nước sạch, nước ấm về mùa đông để thực hiện vệ sinh.
- 100% trẻ được ngủ đúng giờ, đủ giấc, phòng trẻ ngủ sạch sẽ, thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông, có đủ đồ dùng phục vụ giờ ngủ của trẻ như giường, gối, chăn, đệm.
- Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, giám sát. Nâng cao nhận thức CBGVNV về tầm quan trọng của công tác nuôi dưỡng cũng như chất lượng bữa ăn của trẻ đảm bảo hợp lý, khoa học.

2.2. Giải pháp

- Phối hợp chặt chẽ với trạm y tế xã Thanh Nưa triển khai các biện pháp theo dõi, chăm sóc sức khỏe, phòng chống dịch bệnh, phòng chống suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì cho trẻ em, bảo đảm trẻ em đến trường được kiểm tra sức khỏe và đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng của Tổ chức Y tế Thế giới.
- Tập huấn cho CBGVNV chuyên đề về tiến trình tổ chức các hoạt động vệ sinh, chăm sóc, rửa mặt, rửa tay. Tăng cường giám sát lịch vệ sinh hàng ngày, tuần, tháng theo quy định.
- Thường xuyên kiểm tra điều kiện cơ sở vật chất (CSVC), trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi, kịp thời phát hiện, khắc phục những yếu tố nguy cơ gây mất an toàn và có biện pháp kịp thời xử lý nhằm đảm bảo an toàn cho trẻ khi tham gia các hoạt động tại trường, lớp.

- Triển khai chuyên đề giáo dục trẻ kỹ năng phòng tránh đuối nước và tự bảo vệ bản thân như điện giật, cháy bỏng, phòng tránh thiên tai, lũ lụt...

- Tuyệt đối không có giáo viên xúc phạm nhân phẩm và thân thể trẻ đảm bảo an toàn về tinh thần và thể lực cho trẻ ở trường, lớp mầm non.

- Xử lý nhanh, kịp thời các diễn biến bất thường về sức khỏe trẻ, sơ cứu đúng cách các tai nạn xảy ra; Thường xuyên kiểm tra tủ thuốc dự phòng trong trường.

- Bồi dưỡng, tập huấn nâng cao kiến thức và năng lực của CBGVNV về công tác y tế trường học, kiến thức về dinh dưỡng hợp lý và tăng cường hoạt động thể lực để nâng cao sức khỏe, dự phòng các bệnh không lây nhiễm. Tăng cường tuyên truyền đến các bậc cha mẹ trẻ về chế độ dinh dưỡng cân đối hợp lý.

- Tiếp tục giáo dục trẻ kỹ năng thực hành vệ sinh cá nhân, tự bảo vệ chăm sóc sức khỏe; lồng ghép nội dung giáo dục dinh dưỡng, sức khỏe, phòng, chống tai nạn thương tích trong thực hiện chế độ sinh hoạt hằng ngày phù hợp với điều kiện nhà trường; phối hợp chế độ dinh dưỡng và vận động phù hợp đối với trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân - béo phì. Tăng cường lồng ghép giáo dục phát triển vận động và dinh dưỡng để phát triển thể chất, thể lực cho trẻ. Bảo đảm hài hòa giữa nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; giúp trẻ phát triển cơ thể cân đối, khỏe mạnh, nhanh nhẹn.

3. Đổi mới hoạt động giáo dục, nâng cao chất lượng thực hiện chương trình giáo dục mầm non

3.1. Nhiệm vụ

- 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên tự học, tự bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ vận dụng kiến thức đã học vào chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ.

- Thực hiện có hiệu quả các hoạt động chuẩn bị cho trẻ 5 tuổi sẵn sàng vào lớp Một, chú trọng phối hợp giữa mầm non và tiểu học, phù hợp yêu cầu liên thông từ mầm non lên tiểu học.

- 100% nhóm lớp thực hiện tốt các chuyên đề trong năm học.

- 100% giáo viên có đầy đủ, đảm bảo chất lượng hồ sơ, sổ sách lớp, nắm vững chương trình giáo dục mầm non, biết xây dựng kế hoạch giáo dục và thực hiện chương trình theo các chủ đề trong năm học.

- 100% giáo viên biết tích hợp giáo dục kỹ năng sống, phòng chống bạo lực học đường vào các hoạt động phù hợp với lứa tuổi ở các nhóm, lớp trong thực hiện Chương trình GDMN.

- Đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục phát triển toàn diện, tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, học thông qua chơi, phương pháp giáo dục tiên tiến, đẩy mạnh tích hợp/lồng ghép “*giáo dục dinh dưỡng kết hợp vận động nhằm phát triển thể chất cân đối cho trẻ em*”.

- Lồng ghép, tích hợp, phát triển các nội dung giáo dục trong thực hiện Chương trình GDMN: Giáo dục quyền con người, quyền trẻ em, giáo dục giới;

giáo dục an toàn giao thông theo định hướng của chương trình “Tôi yêu Việt Nam”; giáo dục tình cảm kỹ năng xã hội; kỹ năng bảo vệ bản thân; bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu..., ứng dụng STEAM trong thực hiện chương trình giáo dục trẻ.

3.2. Giải pháp

- Ban giám hiệu xây dựng kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ năm học 2025-2026.

- Đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục phát triển toàn diện cho trẻ em theo Chương trình GDMN, tổ chức thực hiện các hoạt động thực hành, trải nghiệm, học thông qua hoạt động chơi là chủ đạo; bảo đảm điều kiện môi trường giáo dục, thời gian tổ chức các hoạt động cho trẻ ở ngoài trời và trong lớp theo chế độ sinh hoạt hằng ngày để giúp trẻ phát triển toàn diện;

- Lồng ghép giáo dục phát triển vận động và dinh dưỡng để phát triển thể chất, thể lực cho trẻ.

- Cán bộ, giáo viên, nhân viên thực hiện nghiêm túc quy chế chuyên môn, ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số vào quản lý chuyên môn, quản lý lớp học, dạy học, cập nhật các phần mềm tương tác.

- Thực hiện đúng nội dung của chương trình GDMN, chủ động trong lập kế hoạch giáo dục, sáng tạo trong việc làm đồ dùng dạy học và đồ chơi cho trẻ và xây dựng môi trường giáo dục thân thiện, linh hoạt trong tổ chức các hoạt động giáo dục.

- Tích cực ứng dụng CNTT, chuyển đổi số vào giảng dạy và trong các hoạt động của trẻ để nâng cao thực hiện chương trình. Lồng ghép một số hoạt động đọc sách, yoga, xem phim vào các hoạt động buổi chiều phù hợp với từng độ tuổi.

- Cho trẻ mẫu giáo trong nhà trường làm quen tiếng Anh, liên kết với trung tâm Tin học - Ngoại Ngữ dạy tiếng Anh cho trẻ mẫu giáo 02 buổi/tuần.

- Tiếp tục ứng dụng một số phương pháp giáo dục của một số nước tiên tiến như Steam...trong thực hiện chương trình Giáo dục mầm non một cách linh hoạt và phù hợp.

- Tăng cường giáo dục kỹ năng sống, kỹ năng phòng chống bạo hành cho trẻ tại các nhóm, lớp giúp trẻ có thể làm chủ bản thân, nâng cao sức khỏe tinh thần và thể chất, ứng phó tích cực trong các tình huống của cuộc sống; trẻ nhận thức được một số tình huống nguy hiểm cho bản thân, bạn bè, biết kêu cứu khi gặp nguy hiểm, biết chia sẻ với người lớn khi gặp khó khăn, hoạn nạn: Kỹ năng thoát hiểm khi bị bỏ quên trên ô tô, kỹ năng phòng tránh và ứng phó khi bị lạc, kỹ năng xử lý khi bị bắt cóc.

4. Công tác tuyên truyền, phối kết hợp với các bậc phụ huynh trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ

4.1. Nhiệm vụ

- Truyền thông về chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ đa dạng các kênh, lồng ghép hình thức và phương tiện truyền thông phù hợp, có sức lan toả sâu rộng nhằm thúc đẩy công tác phối hợp giữa nhà trường với gia đình và đoàn thể, tổ chức xã hội.

- Tuyên truyền, phổ biến kiến thức nuôi con theo khoa học về: đặc điểm phát triển tâm sinh lí của trẻ em theo từng độ tuổi, chế độ dinh dưỡng, vệ sinh an toàn thực phẩm, các loại bệnh theo mùa, những dịch bệnh thường gặp ở trẻ mầm non, cách phòng chống tai nạn thương tích cho trẻ trong những trường hợp khẩn cấp...

4.2. Giải pháp

- Xây dựng góc tuyên truyền có nội dung về nuôi con khỏe, dạy con ngoan; dán các thông báo, thông tin hoặc tạo nhóm zalo lớp thông báo đến cha mẹ trẻ về các biện pháp phòng chống dịch như: vệ sinh cá nhân, những việc cần làm cho mẹ trẻ và trẻ

- Tuyên truyền về các biện pháp phòng, chống các dịch bệnh khác theo mùa, chế độ dinh dưỡng cho trẻ, tuyên truyền về cách phòng tránh một số tai nạn thường gặp ở trẻ nhỏ, về các nội dung giáo dục ở trường mầm non, về cơ sở vật chất của nhà trường để từ đó huy động các nguồn lực thực hiện tốt công tác chăm sóc giáo dục. Tuyên truyền nội dung các chuyên đề trọng tâm, chương trình “Tôi yêu Việt Nam” cho trẻ mẫu giáo, các hoạt động ngày lễ, hội của nhà trường...

- Tuyên truyền thông qua họp phụ huynh, qua các bảng tuyên truyền, trực tiếp và gián tiếp (qua zalo nhóm, lớp; facebook, trang web của trường).

5. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số

5.1. Nhiệm vụ

- Phân đầu thực hiện việc Ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong thực hiện quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ.

- Xây dựng và khai thác kho học liệu số chia sẻ dùng chung để thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em và các thông tin khác phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo.

5.2. Giải pháp

- Thực hiện có hiệu quả các phần mềm: Cơ sở dữ liệu ngành, phần mềm phổ cập giáo dục - xóa mù chữ, phần mềm quản lý thu, chi; chữ ký số, phần mềm giáo án Vnedu...

- Thực hiện hồ sơ, kế hoạch, báo cáo bằng hình thức điện tử, trao đổi công việc qua email, nhóm trực tuyến để giảm thủ tục giấy tờ.

- Tổ chức soạn giáo án điện tử, thiết kế bài giảng ứng dụng CNTT; khai thác thiết bị thông minh và xây dựng thư viện học liệu số dùng chung.

- Đẩy mạnh truyền thông qua Website, Fanpage, nhóm Zalo lớp, bảng tin điện tử; đa dạng hóa hình thức tuyên truyền như video... Tham gia đầy đủ các lớp tập huấn CNTT – chuyển đổi số; khuyến khích tự học, tự bồi dưỡng, chia sẻ kinh nghiệm ứng dụng CNTT trong dạy học.

- Triển khai số hóa hồ sơ, kho học liệu số, áp dụng công cụ trực tuyến trong quản lý và chuyên môn.

III. MỤC TIÊU VÀ NỘI DUNG GIÁO DỤC NĂM HỌC 2025 - 2026

1. Khối Nhà trẻ 18- 24 tháng

TT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	Thực hiện trong tháng
1. Lĩnh vực phát triển thể chất			
a) Phát triển vận động			
1	Trẻ bắt chước một số động tác theo cô: giơ cao tay - đưa về phía trước - sang ngang.	- Hô hấp: Tập hít thở - Tay: Giơ cao, đưa phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau. - Lưng, bụng, lườn: Cúi về phía trước, nghiêng người sang 2 bên. - Chân: Dạng sang 2 bên, ngồi xuống đứng lên.	9-12/2025 ->1-5/2026
2	Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi đi theo đường thẳng (ở trên sàn) hoặc cầm đồ vật nhỏ trên hai tay và đi hết đoạn đường 1,8 - 2m.	- Đi theo hướng thẳng - Đi trong đường hẹp/có mang vật trên tay - Đi bước qua vật cản - Tập bước lên xuống bậc thang	9,11,12/2025 ->3,4,5/2026
3	Trẻ thực hiện phối hợp vận động tay mắt: Biết lăn - bắt bóng với cô.	- Ngồi lăn bóng	10/2025
4	Trẻ phối hợp tay, chân, cơ thể trong bò, trườn chui qua vòng, qua vật cản.	- Bò, trườn tới đích. - Bò về phía trước có mang vật trên lưng. - Bò chui (dưới dây/gậy kê cao).	9,10,12/2025-> 1,2,4,5/2026
5	Trẻ thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng: Ném bằng một tay lên phía trước được khoảng 1,2 m; đá bóng lăn xa lên trước tối thiểu 1,5 m.	- Đứng ném, tung bóng/qua dây - Đá bóng lăn xa lên trước 1,5 m	1,2,3,4,5/2026
6	Trẻ nhặt được các vật nhỏ bằng 2 ngón tay.	- Co, duỗi ngón tay, đan ngón tay - Cầm, bóp, gõ đóng đồ vật - Vạch các nét nguệch ngoạc bằng ngón tay	9-12/2025 ->1-5/2026
7	Trẻ tháo lắp, lồng được 3 - 4 hộp tròn, xếp chồng được 2 - 3 khối trụ.	- Đóng, mở nắp có ren - Tháo lắp, lồng hộp tròn, vuông - Xếp chồng 4-5 khối	10,11,12/2025 - >1,2,3,4,5/2026
b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe			
8	Trẻ thích nghi với chế	Làm quen với chế độ ăn cơm nát	9,10/2025

	độ ăn cơm nát, có thể ăn được các loại thức ăn khác nhau.	và các loại thức ăn khác nhau.	
9	Trẻ ngủ 1 giấc buổi trưa	Làm quen chế độ ngủ 1 giấc.	9,10/2025
10	Trẻ biết "gọi" người lớn khi có nhu cầu đi vệ sinh.	- Tập Tập một số thói quen vệ sinh tốt: + Rửa tay trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh. + "Gọi" cô khi bị ướt, bị bẩn	9,10,11,12/2025 ->1,2,3/2026
11	Trẻ làm được 1 số việc với sự giúp đỡ của người lớn (ngồi vào bàn ăn, cầm thìa xúc ăn, cầm cốc uống nước).	- Tập xúc ăn bằng thìa, uống nước bằng cốc. - Tập ngồi vào bàn ăn - Tập thể hiện khi có nhu cầu ăn ngủ, vệ sinh - Tập ra ngồi bô khi có nhu cầu vệ sinh - Làm quen với rửa tay, lau mặt	9,10,11,12/2025 ->1,2/2026
12	Trẻ biết tránh vật dụng, nơi nguy hiểm (phích nước nóng, bàn là, bếp đang đun...) khi được nhắc nhở.	Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần.	9, 11/2025
13	Trẻ biết tránh một số hành động nguy hiểm (sờ vào ổ điện, leo trèo lên bàn, ghế...) khi được nhắc nhở.	Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh.	12/2025 - >1,2,3,4,5/2026
2. Lĩnh vực phát triển nhận thức			
14	Trẻ thích sờ nắn, nhìn, nghe...để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.	- Tìm đồ chơi vừa mới cất giấu - Nghe âm thanh và tìm nơi phát ra âm thanh - Sờ nắn, lắc, gõ đồ chơi và nghe âm thanh - Ngửi mùi của một số hoa, quả quen thuộc, gần gũi - Nếm vị của một số quả, thức ăn	9, 11/2025 ->1, 2, 3, 4/2026
15	Trẻ bắt chước hành động đơn giản của những người thân.	Hành động nói, cười, đi, chạy.	11/2025
16	Trẻ chỉ hoặc nói được tên của mình, những người gần gũi khi được hỏi.	- Tên của bản thân. - Hình ảnh của bản thân trong gương. - Tên của một số người thân gần gũi trong gia đình, nhóm lớp.	9, 10, 11/2025
17	Trẻ chỉ vào hoặc nói tên một vài bộ phận cơ thể của người khi được	Tên một số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân.	10/2025

	hỏi.		
18	Trẻ chỉ/ lấy nói tên đồ dùng, đồ chơi, hoa quả, con vật quen thuộc theo yêu cầu của người lớn.	- Tên, đặc điểm nổi bật của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc - Tên của phương tiện giao thông gần gũi (- Tên và đặc điểm nổi bật của con vật, hoa quả quen thuộc (- Đồ chơi, đồ dùng của bản thân	9, 10, 11/2025 1, 2, 4/2026
19	Trẻ chỉ hoặc lấy đồ chơi có màu đỏ hoặc xanh theo yêu cầu hoặc gợi ý của người lớn.	Màu đỏ, xanh	11/2025 ->2,4,5/2026
3. Phát triển ngôn ngữ			
20	Trẻ thực hiện được các yêu cầu đơn giản: đi đến đây; đi rửa tay...	- Nghe và thực hiện một số yêu cầu bằng lời nói. - Nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau	9-12/2025 ->1-5/2026
21	Trẻ hiểu được các từ "không": dừng hành động khi nghe "Không được lấy!" "Không được sờ!".	- Nghe các từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật hiện tượng quen thuộc.	
22	Trẻ trả lời được câu hỏi đơn giản "Ai đây?" "Con gì đây?"; "Cái gì đây?"...	Trả lời và đặt câu hỏi: "Con gì?"; "Cái gì?"; "Làm gì?".	9, 11, 12/2025 ->1, 4, 5/2026
23	Trẻ nhắc lại được từ ngữ và câu ngắn: con vịt, vịt bơi, bé đi chơi...	- Phát âm các âm khác nhau - Gọi tên các đồ vật, con vật, hành động gần gũi	9, 11, 12/2025 ->1, 3/2026
24	Trẻ đọc tiếp tiếng cuối của câu thơ khi nghe các bài thơ quen thuộc.	Đọc theo, đọc tiếp cùng cô tiếng cuối của câu thơ.	9-12/2025 ->1-5/2026
25	Trẻ nói được câu đơn 2 - 3 tiếng; con đi chơi; bóng đá; mẹ đi làm...	Nói "Con đi chơi; bóng đá; mẹ đi làm".	10,11/2025
26	Trẻ chủ động nói nhu cầu, mong muốn của bản thân (cháu uống nước, cháu muốn...).	Thể hiện nhu cầu, mong muốn của mình bằng câu đơn giản.	10/2025
4. Phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ			
27	Trẻ nhận ra bản thân trong gương, trong ảnh (chỉ vào hình ảnh của mình trong gương khi được hỏi).	Nhận ra tên gọi, hình ảnh bản thân	10/2025
28	Trẻ biểu lộ sự thích giao tiếp bằng cử chỉ,	Giao tiếp với cô và bạn	9,11/2025 ->2,3/2026

	lời nói với những người gần gũi.		
29	Trẻ cảm nhận và biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi của mình với người xung quanh.	Biểu lộ cảm xúc khác nhau với những người xung quanh.	10,11/2025 ->2/2026
30	Trẻ thích chơi với đồ chơi, có đồ chơi yêu thích và quan sát một số con vật.	- Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - Quan tâm đến con vật nuôi	9, 10, 11/2025 ->12,1/2026
31	Trẻ chào tạm biệt khi được nhắc nhở.	- Tập thực hiện một số hành vi giao tiếp như: chào, tạm biệt, cảm ơn. Nói từ "ạ", "dạ".	9, 11/2025 ->3/2026
32	Trẻ bắt chước được một vài hành vi xã hội (bế búp bê, cho búp bê ăn, nghe điện thoại...).	Bắt chước một vài hành vi xã hội: Bế búp bê, cho búp bê ăn, nghe điện thoại.	11/2025
33	Trẻ làm theo một số yêu cầu đơn giản của người lớn.	Một số yêu cầu đơn giản của người lớn: Cất đồ chơi, đồ dùng, để dép vào giá,...	9, 11/2025
34	Trẻ thích nghe hát và vận động theo nhạc (giậm chân, lắc lư, vỗ tay...).	- Nghe hát, nghe nhạc, nghe âm thanh của các nhạc cụ. - Hát theo và tập vận động đơn giản theo nhạc.	9-12/2025 ->1-5/2026
35	Trẻ thích vẽ, xem tranh.	- Tập cầm bút vẽ. - Xem tranh	9-12/2025 ->1-5/2026

2. Khối Nhà trẻ 24- 36 tháng

TT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
1. Lĩnh vực phát triển thể chất			
a) Phát triển vận động			
1	Trẻ thực hiện được động tác trong bài thể dục: hít thở, tay, lưng/bụng và chân.	- Hô hấp: Tập hít vào, thở ra - Tay và bả vai + 2 tay giơ cao, đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau kết hợp với lắc bàn tay. + 2 tay đưa về phía trước – đưa về phía sau + 01 tay đưa về phía trước, 01 tay đưa về phía sau - Cơ lưng, bụng: + Nghiêng người sang 2 bên, vận người sang 2 bên. + Cúi người xuống, đứng thẳng người lên + Ngửa người ra phía sau - Chân: + Đứng nhún chân	1-> 9

TT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
		+ Ngồi xuống, đứng lên, co duỗi từng chân. + Bật tại chỗ	
2	Trẻ giữ được thăng bằng trong vận động đi/chạy thay đổi tốc độ nhanh - chậm theo cô hoặc đi trong đường hẹp có bề vật trên tay.	- Đi theo hiệu lệnh - Đi trong đường hẹp - Đi có mang vật trên tay - Chạy theo hướng thẳng - Đứng co 1 chân	1->9
3	Trẻ thực hiện phối hợp vận động tay - mắt: tung-bắt bóng với cô khoảng cách 1m, ném vào đích xa 1->1,2m.	- Tung - bắt bóng cùng cô - Ném bóng vào đích	2,4,5,7,9
4	Trẻ biết phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò để giữ được vật đặt trên lưng.	- Bò thẳng hướng và có mang vật trên lưng - Bò chui qua cổng - Bò, trườn qua vật cản	1,2,4,5,7,8,9
5	Trẻ thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng; ném xa lên phía trước bằng 1 tay (tối thiểu 1,5m)	- Ném bóng về phía trước - Bật tại chỗ - Bật qua vạch kẻ	1,3,4,5,7,8,9
6	Trẻ vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay - thực hiện " múa khéo".	Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau	2, 4, 6, 8
7	Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay-mắt trong các hoạt động: nhào đất, nặn, vẽ tổ chim, xâu vòng tay, chuỗi đeo cổ.	- Rót: nước vào cốc, nhào: bột-đất sét, khuấy: bột, đảo: lạc-ngô-đỗ.., nặn: bánh-quả.., vò xé: giấy vụn-lá khô.. - Đóng cọc bàn gỗ - Nhón, nhặt đồ vật - Tập xâu, luồn dây, cài, cời cúc, buộc dây - Chắp ghép hình: Con vật (con lợn, con vịt, con gà..), hoa (hoa hồng, hoa cúc..), quả (cam, chuối, dâu tây..), đồ vật.. - Chồng, xếp 6-8 khối - Tập cầm bút tô, vẽ - Lật mở trang sách	1-> 9
b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe			
8	Trẻ thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau.	- Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau gần gũi ở địa phương - Tập luyện nề nếp thói quen tốt	1,4,7

TT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
		trong ăn uống: Không dùng tay bốc thức ăn, không nói chuyện, cười đùa, nô nghịch trong khi ăn. + Không được tự ý lấy và ăn thức ăn của người khác khi chưa được sự cho phép của người lớn.	
9	Trẻ ngủ được 1 giấc buổi trưa	- Luyện tập thói quen ngủ 1 giấc trưa - Chuẩn bị chỗ ngủ: Chuẩn bị gối, chăn, chiếu.	1,2,5
10	Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi quy định	Tập đi vệ sinh đúng nơi quy định (Tập cho trẻ đi VS ngồi nhà bô, nhà vệ sinh).	1,2
11	Trẻ làm được 1 số việc với sự giúp đỡ của người lớn (lấy nước uống, đi vệ sinh, ...)	- Luyện tập một số thói quen tốt trong sinh hoạt: ăn chín, uống chín; Rửa tay trước khi ăn; lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn; bỏ rác, đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Tự phục vụ: Xúc cơm, uống nước: Phòng, tránh hóc xặc. - Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ăn ngủ, vệ sinh và sự giúp đỡ khi cần thiết. - Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt	1,2,3,4,5,7
12	Trẻ chấp nhận: đội mũ khi ra nắng; đi giày dép; mặc quần áo ấm khi trời lạnh	- Tự phục vụ: Mặc quần áo, đi giày - dép, cởi quần áo khi bị bẩn, bị ướt. - Bảo vệ sức khỏe, an toàn của bản thân khi có thời tiết thay đổi, hay hiện tượng thời tiết bất thường.	2,3,6,9
13	Trẻ biết tránh một số vận dụng, nơi nguy hiểm (bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm như: (vật sắc nhọn, ổ điện, phích điện, phích nước nóng...), những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần như: (bếp lửa đang đun, giếng, ao, hồ, suối, cống rãnh, bụi rậm,..) + Nhận biết, cách phòng/tránh một số nguồn lửa: Bếp củi, bếp ga, bật lửa, bao diêm, ngọn nến,...	1,3,4,8,9
14	Trẻ biết và tránh một số hành động nguy hiểm (leo trèo lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn...) khi được nhắc nhở.	Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh (leo trèo lên cầu thang, lan can, trèo cây, chơi nghịch các vật sắc nhọn).	2,7

TT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
2. Lĩnh vực phát triển nhận thức			
15	Trẻ biết sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi nếm để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.	- Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, đồ vật gần gũi của địa phương: (tiếng sáo, trống, sắc xô, bát, thìa, xe máy, ..), tiếng kêu của một số con vật quen thuộc như:(chó, mèo, lợn, gà, chim,..). - Sờ nắn, nhìn, ngửi... đồ vật, hoa, quả gần gũi ở địa phương, để nhận biết đặc điểm nổi bật. - Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng – mềm, trơn (nhẵn) – xù xì. - Nếm vị của thức ăn, quả (ngọt- mặn- chua). - Tìm đồ vật vừa mới cất giấu - Nhìn, nghe và nhận biết 1 số đặc điểm nổi bật về hiện tượng thời tiết trong mùa hè.	1,3,4,5,6,7,8,9
16	Trẻ bắt chước được một số hành động quen thuộc của những người gần gũi. Sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.	Đồ dùng, đồ chơi của bản thân và nhóm / lớp.	1, 3
17	Trẻ nói được tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi.	- Tên và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân như: da, tóc, quần áo, giày, dép.. - Tên và công việc của những người gần gũi trong gia đình: Ông, bà, bố, mẹ, anh, chị, em.. - Tên của cô giáo, các bạn trong nhóm/lớp.	1, 2, 4
18	Trẻ nói được tên và chức năng của một số bộ phận cơ thể khi được hỏi.	- Tên, chức năng chính một số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân.	2
19	Trẻ nhận biết được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật, hoa quả, con vật quen thuộc.	- Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng đồ dùng và cách sử dụng đồ chơi quen thuộc, đồ dùng gần gũi trong gia đình. - Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng đồ dùng của địa phương, của dân tộc thái: Váy áo cóm, túi thái,.. - Tên, đặc điểm nổi bật và công dụng của phương tiện giao thông	1, 3, 4, 5, 7, 8, 9

TT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
		gắn gũi ở địa phương (xe đạp, xe máy, ô tô, máy bay...).	
		- Tên và một số đặc điểm nổi bật của con vật: chó, mèo, lợn, gà, chim,..., rau: bắp cải, su hào, cà rốt,..., hoa: hoa hồng, hoa cúc, hoa đào,..., quả: Chuối, cam, bưởi,... quen thuộc có ở địa phương.	
20	Trẻ chỉ/ nói tên, lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ/ vàng/ xanh theo yêu cầu.	- Màu đỏ, xanh, vàng. - Số lượng một – nhiều.	1, 2, 3, 9
21	Trẻ chỉ hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có kích thước to/ nhỏ theo yêu cầu.	- Kích thước (To, nhỏ). - Hình tròn – hình vuông. - Vị trí trong không gian (trên –dưới – trước – sau) so với bản thân trẻ.	2,3,4,7,8
3. Phát triển ngôn ngữ			
22	Trẻ thực hiện được nhiệm vụ gồm 2 – 3 hành động.	- Nghe và thực hiện yêu cầu bằng lời nói. - Nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau. - Nghe và sử dụng các từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc trong giao tiếp.	1, 4
23	Trẻ trả lời được các câu hỏi: Ai đây? Cái gì đây? ...làm gì? ...thế nào?	- Nghe các câu hỏi: : “Cái gì?”, “Làm gì?”, “ở đâu?”, “Để làm gì?”, “Như thế nào?” - Trả lời và đặt câu hỏi: Cái gì? Làm gì? ở đâu? Thế nào? Để làm gì? Tại sao?	3,5,8
24	Trẻ có thể hiểu được nội dung truyện ngắn đơn giản: trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật.	- Nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố, bài hát và truyện ngắn. - Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần, có gợi ý - Lắng nghe khi người lớn đọc sách - Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi ở địa phương trong tranh.	1-> 9
25	Trẻ có khả năng phát âm rõ tiếng.	Phát âm các âm khác nhau.	3, 5, 7
26	Trẻ đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo.	Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3-4 tiếng.	1 -> 9
27	Trẻ nói được câu đơn, câu có 5 – 7 tiếng, có	- Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen	1 -> 9

TT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
	các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc.	thuộc trong giao tiếp.	
28	Trẻ sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau: - Chào hỏi, trò chuyện. - Bày tỏ nhu cầu của bản thân - Hỏi về các vấn đề quan tâm như: con gì đây? Cái gì đây?	Thể hiện nhu cầu, mong muốn và hiểu biết bằng 1-2 câu đơn giản và câu dài.	2,3,4,5,8
29	Trẻ nói to, đủ nghe, lễ phép.	Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn: Vâng ạ, dạ, thưa, con xin...	3,4,6
4. Phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ			
30	Trẻ nói được một vài thông tin về bản thân mình (tên, tuổi).	Nhận biết tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài của bản thân như: Da, tóc, quần áo....	2
31	Trẻ thể hiện được điều mình thích và không thích.	Nhận biết một số đồ dùng đồ chơi yêu thích của mình: Ô tô, bóng, mũ, dép, búp bê, bóng,..)	3
32	Trẻ biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói.	Giao tiếp với những người xung quanh.	6
33	Trẻ nhận biết được cảm xúc vui, buồn, sợ hãi.	Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc vui, buồn, tức giận, sợ hãi...	2, 4, 6, 9
34	Trẻ biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ.		
35	Trẻ biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc/ gần gũi: bắt chước tiếng kêu, gọi.	Quan tâm đến các con vật nuôi: chó, mèo, lợn, gà, chim,...gần gũi ở địa phương.	5
36	Trẻ biết chào, tạm biệt, cảm ơn, ạ, vâng ạ.	Thực hiện một hành vi văn hóa và giao tiếp: chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ dạ, vâng ạ, chơi cạnh bạn, không càu bạn.	4, 6
37	Trẻ biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (trò chơi bế em, khuấy bột cho em bé, nghe điện	Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi gần gũi quen thuộc ở địa phương: búp bê, ô tô, bóng, mũ, giày, dép..	1->9

TT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
	thoại...).		
38	Trẻ biết chơi thân thiện với bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn.	Chơi thân thiện với bạn: chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn.	3,7
39	Trẻ thực hiện được một số yêu cầu của người lớn.	- Thực hiện yêu cầu đơn giản của giáo viên: (Đi vào chỗ nằm ngủ, cất đồ chơi vào nơi quy định, đi vệ sinh, cầm bút vẽ chỗ ngồi để đi màu, ra sân chơi, vào lớp học...). - Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm, lớp: xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi quy định.	2,5
40	Trẻ biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát/ bản nhạc quen thuộc.	- Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau; nghe âm thanh của các nhạc cụ, nhạc cụ dân tộc của địa phương: Xắc xô, phách tre, trống, đàn, sáo... - Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc.	1 -> 9
41	Trẻ thích đi màu, vẽ, nặn, xé, xếp hình, xem tranh (cầm bút đi màu, vẽ nguệch ngoạc).	- Vẽ các đường nét khác nhau, đi màu, nặn, xé, vò, xếp hình. - Xem tranh.	1-> 9

3. Khối mẫu giáo Bé 3-4 tuổi

STT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
1. Lĩnh vực phát triển thể chất			
a) Phát triển vận động			
1	Trẻ thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn.	- Hô hấp: Hít vào, thở ra. - Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, dang ngang + Hai tay đưa sang ngang đưa lên cao + Co và duỗi tay, bắt chéo 2 tay trước ngực. + Hai cánh tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao. + Từng tay đưa lên cao, hay tay dang ngang - Lưng, bụng, lườn: + Đứng cúi về phía trước. + Quay sang trái, sang phải. + Đứng nghiêng người sang hai bên. + Đứng cúi về phía trước, ngẩng người	1->9

STT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
		ra sau. + Đứng nghiêng người sang hai bên, kết hợp tay đưa cao hoặc đặt sau gáy. - Chân: + Bước lên phía trước, bước sang ngang; ngồi xổm; đứng lên; bật tại chỗ. + Co duỗi chân + Đứng khụy gối + Bật tách - chụm chân tại chỗ + Từng chân đưa lên trước, ra sau, sang ngang	
2	Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: - Đi hết đoạn đường hẹp (3m x 0,2m). - Đi kiễng gót liên tục 3m.	- Đi kiễng gót. - Đi trong đường hẹp.	1, 2, 7,9
3	Trẻ kiểm soát được vận động: - Đi/ chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh. - Chạy liên tục trong đường đích dắc (3 - 4 điềm đích dắc) không chệch ra ngoài	- Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. - Đi thay đổi hướng theo đường đích dắc. - Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh - Chạy thay đổi hướng theo đường đích dắc.	3, 6, 9
4	Trẻ biết phối hợp tay- mắt trong vận động: - Tung bắt bóng với cô: bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 2,5 m). - Tự đập - bắt bóng được 3 lần liên (đường kính bóng 18cm).	- Lăn bóng với cô. - Tung bắt bóng với cô. - Đập bắt bóng với cô. - Đập bắt bóng tại chỗ. - Chuyển bắt bóng 2 bên theo hàng ngang. - Chuyển bắt bóng 2 bên theo hàng dọc.	1, 3, 5,7, 8, 9
5	Trẻ biết thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: - Chạy được 15 m liên tục theo hướng thẳng. - Ném trúng đích ngang (xa 1,5 m). - Bò trong đường hẹp (3 m x 0,4 m) không chệch ra ngoài.	- Chạy 15 m liên tục theo hướng thẳng. - Bò theo hướng thẳng. - Bò theo đường đích dắc. - Bò chui qua cổng. - Trườn về phía trước. - Trườn theo hướng thẳng - Ném xa bằng 1 tay. - Ném trúng đích ngang bằng 1 tay. - Ném trúng đích đứng bằng 1 tay. - Bước lên, xuống bục cao (cao 30cm). - Bật tại chỗ. - Bật về phía trước.	1-> 9

STT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
		- Bật xa 20 - 25 cm	
6	Trẻ biết thực hiện được các vận động: - Xoay tròn cổ tay. - Gập, đan ngón tay vào nhau.	Gập, đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay cổ tay, cuộn cổ tay	
7	Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động: - Đan (tre, giấy, lá...), tết (tóc, len, rom...) - Xếp chồng các khối khác nhau. - Xé, dán giấy. - Sử dụng kéo (kỹ năng an toàn khi sử dụng kéo)..., bút. - Cắt thẳng được một đoạn 10 cm - Vẽ được hình tròn theo mẫu (4,8) - Tô vẽ nguệch ngoạc. - Cài, cởi cúc, khóa (áo, quần). - Kỹ năng buộc dây giày.	- Đan (nan tre, nan giấy...), tết (len, rom...) - Xếp chồng 8 - 10 khối không đồ. - Xé, dán giấy - Sử dụng kéo (kỹ năng an toàn khi sử dụng kéo)..., bút. - Cắt thẳng được một đoạn 10 cm - Vẽ được hình tròn theo mẫu (4,8) - Tô vẽ nguệch ngoạc. - Cài, cởi cúc, khóa (áo, quần). - Kỹ năng buộc dây giày.	1-> 9
b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe			
8	Trẻ nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh (Thịt, cá, trứng, sữa, gà rang, măng, khoai, sắn, ngô...)	- Nhận biết một số thực phẩm và món ăn quen thuộc của địa phương (Thịt, cá, trứng, sữa, gà rang, măng, khoai, sắn, ngô...) - Nhận biết thực phẩm ôi thui.	2, 5, 6
9	Trẻ kể được tên một số món ăn hàng ngày: trứng rán, cá kho, canh rau, cơm nếp, cá nướng, nộm măng...	- Nhận biết một số món ăn quen thuộc hàng ngày (trứng rán, cá kho, canh rau...) - Nhận biết một số món ăn truyền thống của dân tộc (Cơm nếp, xôi, cá nướng, nộm măng...)	1,2,3,5
10	Trẻ biết ăn để chóng lớn, khỏe mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...).	2, 3, 5
11	Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn: - Rửa tay, lau mặt, súc miệng. - Tháo tất, cởi quần, áo ...	- Làm quen cách đánh răng, lau mặt, súc miệng. - Tập rửa tay bằng xà phòng. - Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh. - Tập tháo tất, cởi quần, áo	1, 2, 3, 4
12	Trẻ sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách.	- Sử dụng bát thìa khi ăn cơm và cốc khi uống nước.	
13	Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được	- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe.	2, 6

STT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
	nhắc nhở: uống nước đã đun sôi, khi ăn không nói chuyện...	- Phòng tránh hóc, sặc (khi ăn, uống)	
14	Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: - Chấp nhận: Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giầy khi đi học. - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu.	- Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khoẻ con người. - Nhận biết trang phục phù hợp với thời tiết, khi thời tiết nóng – lạnh. - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm (sốt, ho, sổ mũi, hắt hơi...).	2, 4, 8
15	Trẻ nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm (bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng ...) khi được nhắc nhở	Nhận biết và phòng tránh những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng (bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng, dao, kéo, liềm, máy thái rau, bật lửa ...).	3,6
16	Trẻ biết tránh nơi nguy hiểm khi được nhắc nhở	Nhận biết những nơi không an toàn đến tính mạng (hồ, ao, bể chứa nước, nồi nước sôi, giếng, hố vôi, suối, bậc thang, lan can, tổ ong, giếng, bể nước, cột điện, ...).	3, 7, 8
17	Trẻ biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở: - Không cưỡi đuà trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt.... - Không tự lấy thuốc uống. - Không leo trèo bàn ghế, lan can. - Không nghịch các vật sắc nhọn. - Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp.	- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm (chạy qua đường, leo trèo, cắn, cấu, nô đùa khi ăn, chơi các vật sắc nhọn, nghịch lửa, nhét các hạt, hạt vào tai, mũi, ăn những hoa, lá, quả lạ trên rừng, quanh nhà, trên đường đi học, cưỡi trâu bò, trêu chó mèo, tự lấy thuốc uống, đi theo người lạ..) - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ: bị lạc, chảy máu, cháy, rơi xuống nước, chó cắn, gặp mưa gió bão, sạt lở đất. - Phòng tránh, bảo vệ các bộ phận nhạy cảm trên cơ thể.	1, 2, 6, 7,8
2. Lĩnh vực phát triển nhận thức			
a) Khám phá khoa học			
18	Trẻ biết quan tâm, hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi, như chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng; hay đặt câu hỏi về đối tượng.	- Chức năng của các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể. - Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - Tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc	1->8

STT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
19	Trẻ biết sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: nhìn, nghe, ngửi, sờ,.. để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng.	(xe máy, xe đạp, ô tô, máy bay, máy xúc, xe lu...). Một số quy định giao thông. - Đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc. (gà, vịt, ngan, trâu, bò, lợn..), cây, hoa (hồng, huệ, cúc...), quả (chuối, cam, mít, xoài...).	
20	Trẻ biết làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng. Ví dụ: Thả các vật vào nước để nhận biết vật chìm hay nổi.	- Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây gần gũi. - Hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh, trái đất nóng lên và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ.	
21	Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng.	- Tên gọi dấu hiệu rõ nét các loại thiên tai thường xảy ra ở địa phương, hậu quả và cách ứng xử khi có thiên tai (lũ lụt, lũ quét, lũ ống, sạt lở đất...).	
22	Trẻ biết phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật	Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo một dấu hiệu.	5, 6
23	Trẻ nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi.	Mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng.	
24	Trẻ biết mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo.	- Một số nguồn nước trong sinh hoạt hàng ngày (mưa, giếng, suối, nước máy....). - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật, cây. - Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hàng ngày (mặt trời, mặt trăng, điện...).	5, 6, 8
25	Trẻ thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình...	- Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi. Tham gia các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình...	
b) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán			
26	Trẻ quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 đếm theo khả năng. - Nhận biết một và nhiều. - Xếp tương ứng 1 – 1, ghép đôi	1, 3, 4, 5, 9
27	Trẻ đếm trên các đối		

STT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
	tượng giống nhau và đếm đến 5.		
28	Trẻ biết so sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	So sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	
29	Trẻ biết gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5.	Gộp hai nhóm đối tượng và đếm.	2, 4, 5, 9
30	Trẻ biết tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành hai nhóm.	Tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành hai nhóm.	
31	Trẻ nhận ra qui tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại.	Xếp xen kẽ	7
32	Trẻ biết so sánh hai đối tượng về kích thước và nói được các từ: to hơn/nhỏ hơn; dài hơn/ngắn hơn; cao hơn/thấp hơn; bằng nhau.	So sánh 2 đối tượng về kích thước (Cao – thấp; To – nhỏ; dài – ngắn)	6,7
33	Trẻ nhận dạng và gọi tên các hình: tròn, vuông, tam giác, chữ nhật.	- Nhận biết, gọi tên các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế. - Sử dụng các hình hình học để ghép.	3,7
34	Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân.	Nhận biết phía trên - phía dưới, phía trước - phía sau, tay phải - tay trái của bản thân.	2
c) Khám phá xã hội			
35	Tên, tuổi, giới tính, dân tộc của bản thân trẻ khi được hỏi, trò chuyện	Tên, tuổi, giới tính, dân tộc của bản thân.	2
36	- Tên của bố, mẹ, các thành viên trong gia đình (ông, bà, anh, chị, em...). - Trẻ nói được địa chỉ của gia đình (thôn, bản, phố/xã, phường...) khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình	- Tên của bố mẹ, các thành viên trong gia đình (ông, bà, anh, chị, em...). - Địa chỉ gia đình (thôn, bản, phố/xã, phường...).	3

STT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
37	Trẻ nói được tên trường/lớp, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện	- Tên lớp mẫu giáo, tên và công việc của cô giáo. - Tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi của lớp, các hoạt động của trẻ ở trường.	1
38	Trẻ kể tên và nói được sản phẩm của một số nghề phổ biến ở địa phương (bác sĩ, công an, giáo viên, bộ đội, nghề nông, nghề dệt, nghề may, nghề thợ xây...) khi được hỏi, xem tranh.	Tên gọi, sản phẩm và ích lợi của một số nghề phổ biến ở địa phương (bác sĩ, công an, giáo viên, bộ đội, nghề nông, nghề dệt, nghề may, nghề thợ xây...)	4
39	Trẻ kể tên một số lễ hội: Ngày khai giảng, Tết Trung thu, lễ hội Hoa Ban, lễ hội Mùa xuân,...) ...qua trò chuyện, tranh ảnh.	Tên của một số ngày lễ, ngày lễ, hội của địa phương: Ngày khai giảng, Tết Trung thu, lễ hội Hoa Ban, lễ hội Mùa xuân,...	1, 6, 7
40	Trẻ kể tên một vài danh lam, thắng cảnh ở địa phương.	Cờ Tổ quốc, tên của di tích lịch sử (Đồi A1, Hầm Đờ Cát, cầu Mường Thanh...), danh lam, thắng cảnh (cánh đồng Mường Thanh, suối khoáng Uva, sinh thái Him Lam...),	9
3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ			
41	Trẻ thực hiện được yêu cầu đơn giản, ví dụ: “Cháu hãy lấy quả bóng, ném vào rổ”.	Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản	1->9
42	Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi: quần áo, đồ chơi, hoa, quả...	Hiểu các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi, quen thuộc.	1, 3, 4, 5, 6, 7
43	Trẻ lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng. - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.	1->9
44	Trẻ nói rõ các tiếng	Phát âm các tiếng của tiếng Việt.	4, 7
45	Trẻ sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm ...	Trả lời và đặt các câu hỏi: ai? cái gì? ở đâu? khi nào?	1, 2, 3, 7
46	Trẻ sử dụng được câu đơn, câu ghép	Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép.	1->9
47	Trẻ kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: thăm	Kể lại sự việc.	3, 6

STT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
	ông bà, đi chơi, xem phim,..		
48	Trẻ đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...	Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.	1->9
49	Trẻ kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn.	- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. - Kể lại một và tình tiết của truyện đã được nghe.	1->9
50	Trẻ biết bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện.	Đóng vai theo lời dẫn chuyện của giáo viên	5, 6
51	Trẻ sử dụng các từ vâng ạ, dạ, thưa, ... trong giao tiếp.	Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép	2
52	Trẻ biết nói đủ nghe, không nói lí nhí	Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.	5
53	Trẻ biết đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giờ sách xem tranh.	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau ; xem phim, tranh, ảnh về an toàn giao thông, truyện tranh Ebook và phim hoạt hình Tôi Yêu Việt Nam - Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt: + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu. - Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và “đọc” truyện. - Giữ gìn sách	1->9
54	Trẻ nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh.	Mô tả sự vật, tranh ảnh có sự giúp đỡ	3, 4
55	Trẻ thích vẽ, ‘viết’ nguệch ngoạc	- Tiếp xúc với chữ, sách truyện - Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ,...)	1->9
			1, 7
4. Lĩnh vực giáo dục tình cảm và kỹ năng xã hội			
56	Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân.	Tên, tuổi, giới tính	2
57	Trẻ nói được điều bé thích, không thích.	Những điều bé thích, không thích.	1, 2
58	Trẻ mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi.	Khi tham gia vào các hoạt động trẻ mạnh dạn trả lời câu hỏi của cô giáo và các bạn.	1->9

STT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
59	Trẻ cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi,...).	Trẻ thực hiện được một số công việc đơn giản (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi,...).	1,5
60	Trẻ nhận ra cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh.	Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói...	1, 3
61	Trẻ biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận.	Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động.	4, 5, 6, 7
62	Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ.	Kính yêu Bác Hồ	9
63	Trẻ thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ.		
64	Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: sau khi chơi xếp cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ.	- Một số quy định ở lớp và gia đình (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ) (1) - Nhận biết hành vi “đúng” - “sai”, “tốt” - “xấu” (7) - Yêu mến bố, mẹ, anh, chị, em ruột (3)	1, 3, 7
65	Trẻ biết chào hỏi và nói cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở...	Cử chỉ, lời nói lễ phép (chào hỏi, cảm ơn).	2, 3
66	Trẻ biết chú ý nghe khi cô, bạn nói.	Chờ đến lượt.	1,2
67	Trẻ cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ	Chơi hoà thuận với bạn.	1->9
68	Trẻ thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây.	- Quan tâm đến cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước. - Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối.	5, 6, 9
69	Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định.	- Giữ gìn vệ sinh môi trường gia đình, bản, làng, trường lớp. - Bỏ rác đúng nơi quy định. - Tiết kiệm điện, nước (Ra khỏi phòng tắt quạt, điện, vặn vòi nước vừa đủ khi sử dụng, sử dụng xong khóa vòi nước).	1, 2,3,6, 8, 9
5. Lĩnh vực giáo dục phát triển thẩm mỹ			
70	Trẻ biết vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của	Bộc lộ cảm xúc (vui, buồn, thích thú...) khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc	1-> 9

STT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
	các sự vật, hiện tượng.	sống và tác phẩm nghệ thuật.	
71	Trẻ biết vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.		
72	Trẻ thích chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc. thích nghe đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ; thích nghe kể câu chuyện.	Nghe các bài hát, bản nhạc (nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc dân tộc của địa phương).	
73	Trẻ hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc	Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát	
74	Trẻ biết vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa).	- Vận động đơn giản theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp.	
75	Trẻ sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý	Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm.	
76	Trẻ biết vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, tạo thành bức tranh đơn giản.		
77	Trẻ biết xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản.		
78	Trẻ biết lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối.		
79	Trẻ biết xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản.	- Sử dụng xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản - Sử dụng một số kỹ năng vẽ, nặn, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm đơn giản.	1->9
80	Trẻ nhận xét các sản phẩm tạo hình.	Nhận xét sản phẩm tạo hình.	8
81	Trẻ vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc	Vận động theo ý thích khi hát/nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc.	1-> 9
82	Trẻ biết tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	Tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích.	6, 7, 9

STT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
83	Trẻ đặt tên cho sản phẩm tạo hình	Đặt tên cho sản phẩm của mình	7

4. Khối mẫu giáo Nhỡ 4-5 tuổi

TT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
1. Lĩnh vực phát triển thể chất			
a) Phát triển vận động			
1	Trẻ có thể thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh.	- Hô hấp: Hít vào, thở ra. - Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, nắm, mở bàn tay). + Co và duỗi tay, vỗ 2 tay vào nhau (phía trước, phía sau, trên đầu). - Lưng, bụng, lườn: + Cúi về phía trước, ngửa người ra sau. + Quay sang trái, sang phải. + Nghiêng người sang trái, sang phải. - Chân: + Nhún chân. + Ngồi xổm, đứng lên, bật tại chỗ. + Đứng, lần lượt từng chân co cao đầu gối.	1->9
2	Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: - Bước đi liên tục trên ghế thể dục hoặc trên vạch kẻ thẳng trên sàn. - Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3 m.	- Đi bằng gót chân - Đi khuyu gối. - Đi lùi. - Đi trên ghế thể dục. - Đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn.	1, 2, 7, 8, 9
3	Kiểm soát được vận động: - Đi/ chạy thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn (4 - 5 vật chuẩn đặt đích dắc).	- Đi đích dắc (đổi hướng) theo vật chuẩn. - Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. - Chạy đích dắc (đổi hướng) theo vật chuẩn.	3, 4, 6, 9
4	Trẻ biết phối hợp tay- mắt trong vận động: - Tung bắt bóng với người đối diện (cô/bạn): bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 3 m). - Ném trúng đích đứng (xa 1,5 m x cao 1,2 m). - Tự đập bắt bóng được 4-	- Tung bóng lên cao và bắt - Tung bắt bóng với người đối diện. - Đập và bắt bóng tại chỗ. - Ném xa bằng 1 tay (3), 2 tay - Ném trúng đích đứng bằng 1 tay.	2, 6, 7, 8, 9

TT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
	5 lần liên tiếp.		
5	Trẻ có thể thực hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: - Chạy liên tục theo hướng thẳng 15 m trong 10 giây. - Ném trúng đích ngang (xa 2 m). - Bò trong đường dích dắc (3 - 4 điểm dích dắc, cách nhau 2m) không chệch ra ngoài.	- Chạy 15m trong khoảng 10 giây. - Chạy chậm 60-80m. - Bò bằng bàn tay và bàn chân 3-4m. - Bò dích dắc qua 5 điểm. - Bò chui qua cổng ống dài 1,2m x 0,6m. - Ném trúng đích nằm ngang bằng 1 tay. - Trườn theo hướng thẳng. - Trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm. - Trèo lên, xuống 5 gióng thang. - Chuyền, bắt bóng qua đầu, qua chân. - Bật liên tục về phía trước - Bật xa 35 - 40cm. - Bật - nhảy từ trên cao xuống (cao 30 - 35cm). - Bật tách chân, khép chân qua 5 ô. - Bật qua vật cản cao 10 - 15cm. - Nhảy lò cò 3m	1->9
6	Thực hiện được các vận động: - Cuộn - xoay tròn cổ tay - Gập, mở, các ngón tay,	- Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vê, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nôi ...	4, 9
7	Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động: - Vẽ hình người, nhà, cây. - Cắt thành thạo theo đường thẳng. - Xây dựng, lắp ráp với 10 - 12 khối. - Biết tết sợi đôi. - Tự cài, cởi cúc, buộc dây giày.	- Gập giấy, lá - Lắp ghép hình - Xé, cắt đường thẳng. - Tô, vẽ hình - Cài, cởi cúc, khâu, buộc dây.	1-> 9
b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe			
8	Trẻ biết một số thực phẩm cùng nhóm: - Thịt, cá...có nhiều chất đạm. - Rau, quả chín có nhiều	Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm (trên tháp dinh dưỡng) và một số trong các thực phẩm của địa phương	2, 5, 6

TT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
	vitamin.		
9	Trẻ có thể nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...	Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn như : Luộc, xào, kho, rán, nướng, hấp, nộm.	4, 6, 9
10	Trẻ biết ăn để cao lớn, khoẻ mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và Ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...).	1, 2, 3, 6
11	Trẻ thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở: - Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng. - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn.	- Tập đánh răng, lau mặt. - Rèn luyện thao tác rửa tay bằng xà phòng.	1, 2, 3
12	- Tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.		3
13	Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống: - Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kĩ. - Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau... - Không uống nước lã.	Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. Phòng tránh hóc, sặc (khi ăn, uống)	1, 2, 6
14	Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: - Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh. đi dép giấy khi đi học. - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt.... - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Bỏ rác đúng nơi quy định.	- Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khoẻ con người. - Lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết, khi thời tiết nóng, lạnh. - Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết. - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm Ho, sổ mũi, sốt. và cách phòng tránh đơn giản: không chơi nghịch ngoài nắng, mưa, đeo khẩu trang, vệ sinh thân thể sạch sẽ... - Đi vệ sinh đúng nơi quy định (ở	1, 3, 4, 6, 8

TT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
		trường học, nơi công cộng, gia đình) - Tự phục vụ sau khi đi vệ sinh	
15	Trẻ có thể nhận ra bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng....là nguy hiểm không đến gần. Biết các vật sắc nhọn không nên nghịch.	- Nhận biết và phòng tránh những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng như dao, kéo, liềm, que, bàn là, phích nước nóng, bật lửa, máy thái rau...)	1, 3
16	Trẻ có thể nhận ra những nơi như: hồ, ao, ruộng nước, suối, bể chứa nước...là nơi nguy hiểm, không được chơi gần.	- Nhận biết những nơi không an toàn (lòng đường, chạy qua đường..) và nguy hiểm như: (bậc thang, lan can, ao, suối, hồ, bụi rậm, tổ ong, nhà bếp, giếng, bể nước, cột điện, cây	1, 3, 8
17	Trẻ biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở: - Không cưỡi đu đưa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt.... - Trẻ biết không ăn thức ăn có mùi ôi; không ăn lá, quả lạ... không uống rượu, bia, cà phê; không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn. - Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo.	- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm như (chạy qua đường, leo trèo, cắn, cấu, nô đùa khi ăn, chơi các vật sắc nhọn, nghịch lửa, cưỡi trâu bò, trêu chó mèo, tự lấy thuốc uống nhét các hột, hạt vào tai, mũi, ăn những hoa, lá, quả lạ trên rừng, quanh nhà, trên đường đi học ...)	1, 2, 6
18	Trẻ có thể nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ: - Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu. - Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình (Thôn/bản, xã, tỉnh), số điện thoại người thân khi cần thiết.	- Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ : bị lạc, chảy máu, cháy, rơi xuống nước, chó cắn, gặp mưa gió bão, sạt lở đất; khi bị mắc kẹt trong không gian kín (Nhà vệ sinh, ô tô, phòng kho...). - Một số quy định ở lớp, gia đình về các nguồn lửa và cách phòng tránh một số sự cố có thể gây ra cháy nổ (cháy nhà, chập điện) - Phòng tránh, bảo vệ các bộ phận nhạy cảm trên cơ thể.	1, 3, 7, 8
2. Lĩnh vực phát triển nhận thức			
a) Khám phá khoa học			

TT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
19	Trẻ biết quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật, hiện tượng: Vì sao cây lại héo? Vì sao lá cây bị ướn?... .	- Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể. - Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 - 3 đồ dùng, đồ chơi. - Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 1 - 2 dấu hiệu (Xe máy, xe đạp, ô tô, máy bay,...).	6, 8
20	Trẻ biết phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.	- Một số quy định về an toàn giao thông và biển báo giao thông - Nhận biết các tín hiệu phương tiện báo động cháy nổ và có hành động phù hợp khi nghe các tín hiệu báo động cháy nổ.	1, 2, 3, 5, 6, 7, 8
21	Trẻ biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán. Ví dụ: Pha màu/ đường/muối vào nước, dự đoán, quan sát, so sánh.	- Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả. - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây, bảo vệ rừng...	6, 8
22	Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện.	- Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người. Nắng nóng, rét, mát mẻ, ẩm áp...	1, 3, 5, 6, 7, 8
23	Trẻ có thể nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát	- Sự khác nhau giữa ngày và đêm. - Các nguồn nước trong môi trường sống: ao, hồ, sông, suối, mưa, giếng, nước máy, nước mố - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây. - Một số đặc điểm tính chất của nước. - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước. - Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây. - Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi. - Các loại thiên tai thường xảy ra ở địa phương; Mưa đá, động đất, sấm sét, lũ lụt, giông lốc, sạt lở đất... - Nguyên nhân và 1 số hậu quả cơ bản	1, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9

TT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
		của thiên tai thường xảy ra ở địa phương. - Cách ứng xử đơn giản khi có thiên tai. - Các dấu hiệu đặc trưng của từng loại thiên tai thông qua quan sát sự vật, hiện tượng, sinh hoạt của con người. - Biểu hiện và nguyên nhân đơn giản của BĐKH, biết ảnh hưởng cơ bản của con người, động vật, thực vật.	
24	Trẻ có thể nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi. Ví dụ: “Cho thêm đường/ muối nên nước ngọt/mặn hơn”	- Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống mưa đá, động đất, lở, lũ lụt, sạt lở đất, giông lốc...	1, 5, 6, 8
25	Trẻ biết phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu	- Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 1 - 2 dấu hiệu. - Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 1 - 2 dấu hiệu.	1, 3, 4, 5, 6
26	Trẻ biết sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản. Ví dụ: Làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn.	Tham gia các hoạt động chơi, thí nghiệm, trải nghiệm.	7
27	Trẻ biết thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...	Tham gia các trò chơi đóng vai, học tập; các hoạt động âm nhạc, tạo hình theo chủ đề.	3, 5, 7
b) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán			
28	Trẻ biết quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi: bao nhiêu? là số mấy?...	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng - Xếp tương ứng 1-1 ghép đôi	1,2,3,4,5,9
29	Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10.		
30	Trẻ biết so sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.		
31	Trẻ có thể sử dụng các số từ 1-5 để chỉ số lượng, số		
		Nhận biết chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5.	

TT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
	thứ tự.		
32	Trẻ biết gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả.	Gộp hai nhóm đối tượng và đếm.	1,2,3,4,5,9
33	Trẻ biết tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn.	Tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn.	
34	Trẻ có thể nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.	Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (biển số xe, số điện thoại, số cứu hỏa 114, cứu thương 115, bảo vệ trẻ em 111)	3,7,9
35	Trẻ có thể nhận ra qui tắc sắp xếp của ít nhất ba đối tượng và sao chép lại.	So sánh, phát hiện qui tắc sắp xếp và sắp xếp theo qui tắc.	6
36	Trẻ có thể sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh.	- Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo. - Đo dung tích bằng một đơn vị đo.	6,8
37	Trẻ có thể chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai hình (tròn và tam giác, vuông và chữ nhật....)	So sánh sự khác nhau và giống nhau của các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật.	3,7
38	Trẻ biết sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản.	Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.	
39	Trẻ có thể sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác.	- Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái).	2
40	Trẻ biết mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày.	Nhận biết các buổi: sáng, trưa, chiều, tối.	8
c) Khám phá xã hội			
41	Trẻ có thể nói họ và tên, tuổi, giới tính, dân tộc của bản thân khi được hỏi, trò chuyện	Họ tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân.	2
42	Trẻ nói được họ, tên và công việc của bố, mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình	Họ tên, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ. Một số nhu cầu của gia đình.	3
43	Trẻ có thể nói được địa chỉ của gia đình mình (Thôn,	Địa chỉ gia đình	

TT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
	bản, xã, tỉnh) khi được hỏi, trò chuyện		
44	Trẻ có thể nói được tên và địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.	Tên, địa chỉ của trường lớp.	1
45	Trẻ nói được tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	Tên và công việc của cô giáo và các cô bác ở trường.	
46	Trẻ nói được tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	Họ tên và một vài đặc điểm của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường	
47	Trẻ có thể kể tên, công việc, công cụ, sản phẩm/ích lợi... của một số nghề (nghề nông, đan lát, nghề may, nghề xây dựng) khi được hỏi, trò chuyện	- Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương (Làm ruộng, làm nương, đan lát, dệt thổ cẩm, gạo tám, khoai, sắn, ngô, sém cù, ...).	4
48	Trẻ có thể kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội (Ngày quốc khánh 2/9, lễ hội Hoa Ban, lễ hội đền Hoàng ...)	Tên và đặc điểm của một số ngày lễ hội .	1,2,4,6,7,9
49	Trẻ có thể kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương.	- Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, sự kiện văn hoá của quê hương, (Đồi Độc Lập, bia tưởng niệm các anh hùng liệt sỹ xã Thanh Nưa; lễ hội Hoa Ban, lễ hội đua thuyền ở Mường Lay, Thành Hoàng ở bản Phủ ..., của đất nước (Văn miếu quốc tử Giám, Chiến khu Việt Bắc, lễ hội chùa Hương, lễ hội đền Hùng).	
3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ			
50	Trẻ có thể thực hiện được 2, 3 yêu cầu liên tiếp, ví dụ: “Cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào bông hoa màu vàng”. Nghe và thực hiện được 2-3 yêu cầu liên tiếp đơn giản bằng tiếng anh.	- Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu - Nghe và làm theo được một số yêu cầu đơn giản, phù hợp với lứa tuổi bằng tiếng anh.	4
51	- Trẻ có thể hiểu nghĩa từ khái quát: rau quả, con	- Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng và các từ biểu cảm	1, 2, 3, 5, 6, 7

TT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
	vật, đồ gỗ, đồ tre...		
52	- Trẻ biết lắng nghe và trao đổi với người đối thoại. - Nghe và nhận diện, nhận biết được một số từ chỉ người, tên gọi, đồ vật, hiện tượng, hành động đơn giản bằng tiếng Anh.	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức. - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi. - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. - Nghe từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật và hành động rất đơn giản, quen thuộc trong phạm vi khoảng 70 từ, cụm từ bằng tiếng Anh.	1->9
53	Trẻ có thể nói rõ để người nghe có thể hiểu được.	- Phát âm các tiếng có chứa các âm khó.	1 -> 9
54	Sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm... Trẻ có thể nói được một từ tiếng Anh đơn giản chỉ người sự vật, hiện tượng, hành động, ký hiệu.	- Trả lời và đặt các câu hỏi: „ai? “Cái gì? “Ở đâu? “Khi nào? “Để làm gì? - Nhắc được một số từ tiếng Anh đơn giản chỉ người sự vật, hiện tượng, hành động, ký hiệu....	
55	Trẻ có thể sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định.	Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép..	1->9
56	Trẻ có thể kể lại sự việc theo trình tự.	Kể lại sự việc có nhiều tình tiết.	8
57	Trẻ đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.	1->9
58	Trẻ biết kể chuyện có mở đầu, kết thúc.	- Kể lại truyện đã được nghe. - Kể lại sự việc có nhiều tình tiết	1->9
59	Trẻ biết bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện.	Đóng kịch.	6
60	Trẻ biết sử dụng các từ như “Mời cô”; “Mời bạn”; “Cảm ơn”; “Xin lỗi”... trong giao tiếp.	Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép.	1, 4
61	Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở.	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp. - Phản hồi bằng cử chỉ, hành động hoặc lời nói khi tham gia các trò chơi bằng tiếng Anh.	5

TT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
62	Trẻ biết mô tả hành động của các nhân vật trong tranh.	Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh	3, 4, 5
63	Trẻ có thể chọn sách để xem.	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Giữ gìn, bảo vệ sách. - Xem phim, tranh, ảnh về an toàn giao thông, truyện tranh Ebook và phim hoạt hình Tôi Yêu Việt Nam.	1->9
64	Trẻ biết cầm sách đúng chiều và giở từng trang để xem tranh ảnh. “đọc” sách theo tranh minh họa (“đọc vẹt”).	- Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt: + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu. - Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách. - “Đọc” truyện qua các tranh vẽ.	3, 4, 5, 6
65	Trẻ có thể nhận ra kí hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm...	Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ,...)	1, 7
66	Trẻ biết sử dụng kí hiệu để “viết”: tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng...	- Nhận dạng một số chữ cái.. - Tập tô, tập đồ các nét chữ. - Nhận biết một số ký hiệu, tín hiệu của phương tiện cháy nổ.	1-> 9
4. Lĩnh vực giáo dục tình cảm và kỹ năng xã hội			
67	Trẻ có thể nói được tên, tuổi, giới tính, dân tộc của bản thân, tên bố, mẹ.	Tên, tuổi, giới tính, dân tộc của bản thân, tên bố, mẹ.	2, 3
68	Trẻ có thể nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được.	Sở thích, khả năng của bản thân.	2, 5, 6
69	Trẻ biết tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.		1->9
70	Trẻ biết cố gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi).		1->9
71	Trẻ nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh.	Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh	2, 3
72	Trẻ biết biểu lộ một số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên.	Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động; vẽ, nặn, xếp	1->9

TT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
		hình...	
73	Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ.	Kính yêu Bác Hồ	9
74	Trẻ thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.		
75	Trẻ biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.	Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.	6, 9
76	Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà, bố mẹ.	- Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng như: để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường, đi đường nông thôn, đường quốc lộ. - Phân biệt hành vi “đúng”-“sai”, “tốt”- “xấu”. - Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình.	1, 3, 5, 6, 7, 9
77	Trẻ biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	Sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép.	1, 2, 3, 6
78	Trẻ chú ý nghe khi cô, bạn nói.	Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép.	4
79	Trẻ biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở.	Chờ đến lượt.	2
80	Trẻ biết trao đổi, thoả thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật ...).	- Hợp tác với bạn. - Quan tâm, giúp đỡ bạn.	1->9
81	Trẻ thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc.	Bảo vệ, chăm sóc con vật và cây cối, bảo vệ rừng.	5, 6
82	Trẻ biết không bẻ cành, bứt hoa.		6, 9
83	Trẻ bỏ rác đúng nơi quy định.	- Giữ gìn vệ sinh môi trường trong gia đình, thôn bản, trường lớp. - Bỏ rác đúng nơi quy định; Phân loại rác thải.	1, 3, 9
84	Trẻ biết không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng.	Tiết kiệm điện, nước (Ra khỏi phòng tắt quạt, điện, vặn vòi nước vừa đủ khi sử dụng, sử dụng xong khóa vòi nước).	1, 3, 8
5. Lĩnh vực giáo dục phát triển thẩm mỹ			
85	Trẻ vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói	Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật,	6, 8

TT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
	lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gọi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.	hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.	
86	Trẻ thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.		
87	- Trẻ chú ý nghe, tỏ ra thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe kể câu chuyện. - Trẻ có thể Nghe các bài hát đơn giản bằng tiếng Anh trong chương trình	- Nghe các loại nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca). - Nghe các bài hát đơn giản bằng tiếng Anh trong chương trình	1->9
88	- Trẻ có thể hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ ... - Trẻ có thể hát theo một số bài hát tiếng anh giản phù hợp với lứa tuổi.	- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát. - Hát theo một số bài hát tiếng anh đơn giản phù hợp với lứa tuổi.	1->9
89	Trẻ có thể vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa).	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo nhịp, tiết tấu chậm.	1->9
90	Trẻ biết phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm.	Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra các sản phẩm.	1-> 9
91	Trẻ biết vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục.	Sử dụng các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc , kích thước, hình dáng/ đường nét.	1->9
92	Trẻ biết xé, cắt theo đường thẳng, đường cong... và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục.		3->8

TT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
93	Trẻ biết làm lồm, dõ bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết.		1->9
94	Trẻ biết phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau.		2, 3, 7, 9
95	Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng.	Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét.	7
96	Trẻ biết lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc.	Lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc.	8
97	Trẻ biết lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát.	Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát.	4, 6, 9
98	Trẻ có thể nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	- Nói lên ý tưởng tạo hình của mình. - Tự chọn dụng cụ, nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích.	5, 9
99	Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	Đặt tên cho sản phẩm của mình.	6

5. Khối mẫu giáo Lớn 5-6 tuổi

TT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
1. Lĩnh vực phát triển thể chất			
a) Phát triển vận động			
1	Trẻ thực hiện đúng, thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp.	- Hô hấp: Hít vào, thở ra. - Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẩy bàn tay, quay cổ tay, kiễng chân). + Co và duỗi từng tay, kết hợp kiễng chân. Hai tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao. - Lưng, bụng, lườn: + Ngửa người ra sau kết hợp tay giơ lên cao, chân bước sang phải, sang trái. + Quay sang trái, sang phải kết hợp tay chống hông hoặc hai tay dang ngang, chân bước sang phải, sang trái.	1-> 9

TT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
		+ Nghiêng người sang hai bên, kết hợp tay chống hông, chân bước sang phải, sang trái. - Chân: + Chân đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau. + Nhảy lên, đưa 2 chân sang ngang; nhảy lên đưa một chân về phía trước, một chân về sau.	
2	Trẻ biết giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: - Đi lên, xuống trên ván dốc (dài 2m, rộng 0,30m) một đầu kê cao 0,3m. - Không làm rơi vật đang đội trên đầu khi đi trên ghế thể dục. - Đứng một chân và giữ thăng bằng người trong 10 giây.	- Đi bằng mép ngoài bàn chân. - Đi khuyu gối. - Đi trên dây (Dây đặt trên sàn) - Đi trên ván kê dốc. - Đi nổi bàn chân tiến, lùi. - Đi trên ghế thể dục đầu đội túi cát. - Nhảy lò cò 5 m. - Đứng co 1 chân.	1,2,3,7,8,9
3	Trẻ biết kiểm soát được vận động: - Đi/chạy thay đổi hướng vận động theo đúng hiệu lệnh (đổi hướng ít nhất 3 lần).	- Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. - Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. - Đi thay đổi hướng (dịch dắc) theo hiệu lệnh. - Chạy thay đổi hướng (dịch dắc) theo hiệu lệnh.	3,4,6,9
4	Trẻ biết phối hợp tay- mắt trong vận động: - Bắt và ném bóng với người đối diện (khoảng cách 4 m). - Ném trúng đích đứng (xa 2 m x cao 1,5 m). - Đi, đập và bắt được bóng này 4-5 lần liên tiếp.	- Tung bóng lên cao và bắt. - Đập và bắt bóng tại chỗ. - Đi và đập bắt bóng. - Ném trúng đích đứng bằng 1 tay, 2 tay. - Ném bắt bóng bằng 2 tay từ khoảng cách xa 4m.	2,6,7,8,9
5	Trẻ biết thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: - Chạy liên tục theo hướng thẳng 18 m trong 10 giây. - Ném trúng đích ngang (cao 1,5 m, xa 2m). - Bò vòng qua 5-6 điểm đích dắc, cách nhau 1,5m theo đúng yêu cầu.	- Chạy 18m trong khoảng 10 giây. - Chạy chậm khoảng 100-120m. - Bò bằng bàn tay, bàn chân 4-5m. - Bò đích dắc qua 7 điểm. - Bò chui qua ống dài 1,5m x 0,6m. - Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm. - Trèo lên xuống 7 giống thang. - Ném xa bằng 1 tay - Ném xa bằng 2 tay. - Ném trúng đích ngang bằng 1	1->9

TT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
		tay, 2 tay. - Chuyên bắt bóng qua đầu, qua chân. -BAT liên tục vào vòng. -BAT xa 40 - 50 cm. -BAT nhảy từ trên cao xuống 40 - 45cm. -BAT tách chân, khép chân qua 7 ô. -BAT qua vật cản 15 – 20 cm.	
6	Trẻ biết thực hiện được các vận động: - Uốn ngón tay, bàn tay; xoay cổ tay. - Gập, mở lần lượt từng ngón tay.	Các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay. - Bẻ nắm, tẽ, bóc, xoa, tuốt.	2,5
7	Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay-mắt trong một số hoạt động: - Vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số. - Cắt được theo đường viền của hình vẽ. - Xếp chồng 12-15 khối theo mẫu. - Ghép và dán hình đã cắt theo mẫu - Tự cài, cởi cúc, xâu dây giày, cài quai dép, kéo khóa (Phéc mơ tuya)	- Lắp ráp - Xé, cắt đường vòng cung. - Tô, đồ theo nét. - Cài, cởi cúc, kéo khóa (Phéc mơ tuya), xâu, luồn, buộc dây.	1->9
b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe			
8	Trẻ biết lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm: - Thực phẩm giàu chất đạm: thịt, cá... - Thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: rau, quả...	Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm.	2
9	Trẻ nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...	Làm quen với một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống: Thái, cắt, tía, băm, trộn.	2, 5, 6
10	Trẻ biết: ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để khỏe mạnh; uống nhiều	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất.	2.6

TT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
	nước ngọt, nước có ga, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe.	- Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...).	
11	Trẻ biết thực hiện được một số việc đơn giản: - Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng. - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định. - Đi vệ sinh đúng nơi qui định, biết đi xong dội/ giặt nước cho sạch.	- Tập luyện kỹ năng: rửa tay bằng xà phòng. - Tập luyện kỹ năng: đánh răng, lau mặt. - Sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách (Dội/xả nước bồn cầu; bỏ giấy vệ sinh vào thùng... - Đi vệ sinh đúng nơi quy định.	1,2,3
12	Trẻ biết sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo	Sử dụng đồ dùng trong ăn uống (cầm bát, thìa, cốc uống nước đúng cách)	3
13	Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống: - Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn. - Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn. - Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. - Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường	Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe.	1, 2
14	Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh: - Vệ sinh răng miệng: Sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy. - Ra nắng đội mũ: Đi tất, mặc áo ấm khi trời lạnh. - Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt... - Che miệng khi ho, hắt hơi. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Bỏ rác đúng nơi quy định; không nhổ bậy ra lớp.	- Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể đối với sức khỏe con người. - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người. - Lựa chọn và sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết. - Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết. - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm (Ho, sổ mũi, sốt, đau đầu, đau bụng), nguyên nhân và cách phòng tránh (Ho, sổ mũi, sốt, đau đầu không chơi nghịch ngoài nắng, mưa, mặc quần áo phù hợp thời tiết, không tắm nước lạnh, vệ sinh thân thể sạch sẽ...).	2,4,5,6,8
15	Trẻ biết bàn là, bếp điện, bếp	Nhận biết và phòng tránh những	1,3

TT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
	lò đang đun, phích nước nóng... là những vật dụng nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi đến gần; không nghịch các vật sắc, nhọn.	vật dụng nguy hiểm đến tính mạng (dao, kéo, que, bàn là, phích nước nóng, bật lửa...).	
16	Trẻ biết những nơi như: hồ, ao, bể chứa nước, giếng, bụi rậm...là nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi đến gần.	Nhận biết và phòng tránh những nơi không an toàn đến tính mạng (bậc thang, lan can, ao, suối, hồ, bụi rậm, tổ ong, nhà bếp, giếng, bể nước, cột điện, cây to...) .	3,8
17	- Trẻ nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh: - Biết: cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc sắc... - Biết không tự ý uống thuốc. - Biết: ăn thức ăn có mùi hôi; ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượu, bia, cà phê, hút thuốc lá không tốt cho sức khỏe.	- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm đến tính mạng (leo trèo, cắn, cầu, nô đùa khi ăn, chơi các vật sắc nhọn, nghịch lửa, nhét các hạt, hạt vào tai, mũi, ăn những hoa, lá, quả lạ trên rừng, quanh nhà, trên đường đi học...) .	1,6.9
18	Trẻ nhận biết được một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ. - Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: cháy, có bạn/ người rơi xuống nước, ngã chảy máu... - Biết tránh một số trường hợp không an toàn: + Khi người lạ bế ẵm, cho kẹo bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi. + Ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo. - Biết được địa chỉ nơi ở (Thôn/bản, xã, tỉnh), số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ.	Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ	1,2,3,6
19	Trẻ thực hiện đúng một số quy định ở trường, nơi công	Một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn (ra khỏi	1,4,6,7,9

TT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
	cộng về an toàn: - Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi. - Đi bộ trên hè: đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy. - Không leo trèo cây, ban công, tường rào...	trường, lớp khi chưa có sự đồng ý của cô giáo, chơi gần đường, chạy qua đường...)	
2. Lĩnh vực phát triển nhận thức			
a) Khám phá khoa học			
20	Trẻ tò mò tìm tòi, khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh như đặt câu hỏi về sự vật, hiện tượng: Tại sao có mưa?...	- Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể. - Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 2 - 3 dấu hiệu (xe máy, xe đạp, ô tô, máy bay...).	5,6,8
21	Trẻ biết phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét lá, hoa, quả... và thảo luận về đặc điểm của đối tượng, khám phá sự vật hiện tượng xung quanh.	- Một số quy định và biển báo giao thông. - Đặc điểm, ích lợi và tác hại của con vật, cây, hoa, quả. - Quá trình phát triển của cây, con vật; điều kiện sống của một số loại cây, con vật.	1,2,3,5,6,7,8
22	Trẻ biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận. Ví dụ: Thử nghiệm gieo hạt/ trồng cây được tưới nước và không tưới, theo dõi và so sánh sự phát triển.	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của đồ dùng, đồ chơi và sự đa dạng của chúng. - So sánh sự khác và giống nhau của một số con vật, cây, hoa, quả - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây, rừng...	5,6,8
23	Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận.	- Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa (nắng, mưa, rét, mát mẻ, ấm áp, sương mù...).	1,2,3,5,6,7,8
24	Trẻ biết giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau.	- Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa.	5,6,8
25	Trẻ biết thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...	- Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng. - Các nguồn nước trong môi trường sống (Ao, hồ, sông, suối, mưa, giếng, nước máy, nước móm...).	3,4,7,9

TT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
		con người, con vật và cây. - Một số đặc điểm, tính chất của nước. - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước. - Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây. - Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi. - Các loại thiên tai (mưa đá, động đất, sấm, sét, lũ lụt, giông lốc, sạt lở đất, sương muối...), ý nghĩa 1 số tên gọi đặc biệt của thiên tai. - Nguyên nhân diễn biến của biến đổi khí hậu theo mối liên hệ đơn giản. - Một số đặc trưng, dấu hiệu, biểu hiện cơ bản của mỗi loại thiên tai. - Nguyên nhân và 1 số hậu quả cơ bản của thiên tai thường xảy ra ở địa phương. - Cách ứng xử đơn giản khi có thiên tai. - Nguồn lửa, nguồn nhiệt và một số vật dụng có thể gây cháy, nổ - Các tín hiệu, phương tiện báo động cháy và có hành động phù hợp khi nghe các tín hiệu báo động. - Cách phòng tránh nguồn lửa, nguồn nhiệt và một số sự cố có thể gây cháy, nổ.	
26	Trẻ biết phân loại các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau.	- Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 2 - 3 dấu hiệu. - Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 2 - 3 dấu hiệu.	1,3,5,6
27	Trẻ biết nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng. Ví dụ: “Nắp cốc có những giọt nước do nước nóng bốc hơi”.	- Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống.	1,3,5,6,8
b) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán			
28	Trẻ biết quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi: bao nhiêu? đây là	Đếm trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.	1,3,4,5,7,9

TT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
	mấy?...		
29	Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.		
30	Trẻ biết so sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất.		
31	Trẻ biết gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và đếm.		
32	Trẻ biết tách một nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành hai nhóm bằng các cách khác nhau.	Gộp/tách các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm.	1,3,4,5,7,9
33	Trẻ nhận biết các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày: - Trẻ nói được ngày trên lịch và giờ chẵn trên đồng hồ	- Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày (Biển số xe, số điện thoại, số cứu hỏa 114, cứu thương 115, bảo vệ trẻ em 111...) - Nhận biết ngày trên lịch và giờ chẵn trên đồng hồ.	2,3,7
34	Biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu.	- So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc. - Tạo ra quy tắc sắp xếp.	
35	Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp (mẫu) và sao chép lại.	- Ghép thành cặp những đối tượng có mối liên quan.	6
36	Trẻ biết sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp		
37	Trẻ sử dụng được một số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả.	- Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau. - Đo độ dài các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo. - Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo.	6,8
38	Trẻ biết gọi tên và chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai khối cầu và trụ, khối vuông và khối chữ nhật.	- Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu. (3) - Tạo ra một số hình hình học bằng các cách khác nhau (gấp, xếp, đan...). (4) - Nhận biết, gọi tên khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ và nhận dạng các khối đó trong thực	3,4,7

TT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
		tế. (7)	
39	Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật làm chuẩn.	- Xác định vị trí của đồ vật (phía trước-phía sau; phía trên-phía dưới; phía phải-phía trái; phía trong-phía ngoài) so với bản thân trẻ, với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn.	2
40	Trẻ biết gọi đúng tên các thứ trong tuần, các mùa trong năm: - Trẻ có thể phân biệt hôm qua, hôm nay, ngày mai qua các sự kiện hàng ngày	- Gọi tên các thứ trong tuần; các mùa trong năm - Nhận biết hôm qua, hôm nay, ngày mai.	8,9
c) Khám phá xã hội			
41	Trẻ nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính, dân tộc của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	Họ tên, ngày sinh, giới tính, dân tộc, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình.	2,3
42	Trẻ nói tên, tuổi, giới tính, công việc hàng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	Các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố, mẹ; sở thích của các thành viên trong gia đình; quy mô gia đình (gia đình nhỏ, gia đình lớn). nhu cầu của gia đình, địa chỉ gia đình.	3
43	Trẻ nói địa chỉ gia đình mình (Thôn/bản, xã, tỉnh), số điện thoại (nếu có)...khi được hỏi, trò chuyện.		
44	Trẻ nói tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Những đặc điểm nổi bật của trường, lớp mầm non (tên lớp, trường, địa chỉ trường...); công việc của các cô bác trong trường. - Đặc điểm, sở thích của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường.	1
45	Trẻ nói tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.		
46	Trẻ nói họ tên và đặc điểm của các bạn trong lớp, khi được hỏi, trò chuyện.		
47	Trẻ nói đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề (Nghề nông, đan lát, nghề may, nghề xây dựng, nghề làm đầu...). ví dụ: nói "nghề nông làm ra lúa gạo, nghề xây dựng xây nên những ngôi nhà mới..."	Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương: Làm ruộng, làm nương, đan lát, dệt thổ cẩm, gạo tám, khoai, sắn, ngô, sém cù...	4

TT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
48	Trẻ biết kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội (Ngày quốc khánh 2/9, ngày lễ 30/4 và 1/5, lễ hội Hoa Ban, lễ hội Đền Hoàng Công Chất...). ví dụ nói: "Ngày quốc khánh (ngày 2/9) cả phố em treo cờ, bố mẹ được nghỉ làm và cho em đi chơi công viên...".	Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hóa của quê hương (Đồi Độc Lập, bia tưởng niệm các anh hùng liệt sỹ xã Thanh Nưa, lễ hội Hoa Ban, lễ hội đua thuyền ở Mường Lay, lễ hội đền Hoàng ở Bản Phủ...), đất nước (Văn miếu Quốc Tử Giám, chiến khu Việt Bắc, lễ hội Chùa Hương, lễ hội Đền Hùng...).	1,2,4,6,7,9
49	Trẻ biết kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước.		9
3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ			
50	Trẻ thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể, ví dụ "Các bạn có tên bắt đầu bằng chữ cái T đứng sang bên phải, Các bạn có tên bắt đầu bằng chữ H đứng sang bên trái",... - Nghe và thực hiện được 2-3 yêu cầu liên tiếp đơn giản bằng tiếng Anh.	Hiểu và làm theo được 2-3 yêu cầu liên tiếp - Nghe và làm theo một số yêu cầu đơn giản, phù hợp lứa tuổi bằng tiếng Anh.	1->9
51	Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát: Phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ dùng (Đồ dùng gia đình, đồ dùng học tập...); - Nghe và nhận diện, nhận biết được một số từ chỉ người, tên gọi, đồ vật, hiện tượng, hành động đơn giản, quen thuộc bằng tiếng Anh.	- Hiểu các từ khái quát, từ trái nghĩa. - Nghe từ chỉ người, tên gọi, đồ vật, sự vật, hiện tượng và hành động đơn giản, quen thuộc bằng tiếng Anh.	1->9
52	Trẻ biết lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại: - Nghe và thực hiện được theo hướng dẫn bằng cử chỉ, hành động hoặc lời nói (1-3 từ) khi tham gia các trò chơi đơn giản, phù hợp bằng tiếng Anh.	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức. - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.	1->9
53	Trẻ biết kể rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được, nói rõ ràng.	- Phát âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu. - Nhắc lại được, nói được một số từ tiếng Anh thông dụng chỉ	1->9
54	Trẻ biết sử dụng được các từ		

TT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
	chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...phù hợp với ngữ cảnh. - Sử dụng lời nói để bày tỏ cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân. - Sử dụng lời nói để trao đổi và chỉ dẫn bạn bè trong hoạt động. - Nhận ra được sắc thái biểu cảm của lời nói khi vui, buồn, tức giận, ngạc nhiên, sợ hãi... - Trẻ có thể nhắc lại được, nói được từ chỉ người, đồ vật, sự vật, hiện tượng và hoạt động trong phạm vi từ vựng tiếng Anh được làm quen.	người, đồ vật, sự vật, hiện tượng, hành động, biểu tượng, ký hiệu đơn giản phù hợp với lứa tuổi. - Phát âm tương đối rõ ràng các từ, cụm từ, mẫu câu trong phạm vi từ vựng tiếng Anh được làm quen. -Trả lời và đặt các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh: "Tại sao?"; "Có gì giống nhau?"; "Có gì khác nhau?"; "Do đâu mà có?". - Đặt các câu hỏi: "Tại sao?"; "Như thế nào?"; "Làm bằng gì?".	
55	Trẻ biết dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh...	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn, câu đơn ghép khác nhau.	1->9
56	Trẻ biết miêu tả sự việc với một số thông tin về hành động, tính cách, trạng thái...của nhân vật.	Kể lại sự việc theo trình tự.	7
57	Trẻ biết đọc biểu cảm bài thơ, cao dao, đồng dao...	- Đọc thơ, cao dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.	1->9
58	Trẻ biết kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện...trong nội dung truyện.	- Kể lại sự việc theo trình tự.	8
59	Trẻ có thể đóng được vai của nhân vật trong truyện.	Đóng kịch	5.7
60	Trẻ biết sử dụng các từ: " cảm ơn"; "Xin lỗi"; "Xin phép"; " Thưa"; "Dạ"; " Vâng"...phù hợp với tình huống: - Không nói tục, chửi bậy.	Sử dụng các từ biểu cảm hình tượng.	3
61	Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh: - Trẻ có thể phản hồi bằng cử chỉ, hành động hoặc lời nói khi tham gia trò chơi bằng tiếng Anh phù hợp lứa tuổi. - Trẻ nhắc lại được, nói được	- Nói thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp. - Phản hồi bằng cử chỉ, hành động hoặc lời nói khi tham gia các trò chơi bằng tiếng Anh.	6

TT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
	các từ chỉ người, đồ vật, sự vật, hiện tượng và hành động trong phạm vi từ vựng được làm quen bằng tiếng anh.		
62	Trẻ biết chọn sách để "đọc" và xem.	- Xem và đọc các loại sách khác nhau. - Xem phim, tranh, ảnh về an toàn giao thông, truyện tranh Ebook và phim hoạt hình Tôi Yêu Việt Nam.	1->9
63	Trẻ biết kể truyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân.	- Kể chuyện theo đồ vật, theo tranh; Kể truyện về an toàn giao thông.	4,8
64	Trẻ biết cách "đọc sách" từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ đầu sách đến cuối sách: - Trẻ có thể đọc được thành tiếng một số từ thông dụng khi xem tranh chỉ người, đồ vật, sự vật, hiện tượng, hành động, biểu tượng, ký hiệu trong phạm vi từ vựng tiếng Anh được làm quen.	- Làm quen với cách đọc và viết tiếng việt: Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu. - Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách. - Giữ gìn, bảo vệ sách. - "Đọc" truyện qua các tranh vẽ. - Đọc theo thành tiếng chỉ từ người, đồ vật, sự vật, hiện tượng và hành động trong phạm vi từ vựng bằng tiếng Anh.	1->9
65	Trẻ nhận ra được ký hiệu thông thường: Nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm, lối ra-vào, biển báo giao thông...	Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (Nhà vệ sinh, lối ra vào, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ...)	1,7
66	Trẻ nhận dạng các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng việt.	Nhận dạng các chữ cái	1->9
67	Trẻ biết tô, đồ các nét chữ, sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình: - Trẻ tô màu được một số nét, chữ cái tiếng Anh.	- Tập tô, tập đồ các nét chữ. - Sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình. - Tô màu một số nét, chữ cái, từ tiếng anh quen thuộc.	
4. Lĩnh vực phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội			
68	Trẻ nói được họ tên, tuổi, giới tính, dân tộc của bản thân, tên bố, mẹ, địa chỉ nhà (Thôn/bản, xã, tỉnh) hoặc điện	Thực hiện thông qua nội dung khám phá xã hội (lĩnh vực PT nhận thức).	2,3

TT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
	thoại.		
69	Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được và việc bé không làm được.	Sở thích, khả năng của bản thân.	2
70	Trẻ nói được mình có điểm gì giống và khác bạn (Dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng).	Điểm giống khác nhau của mình với người khác.	
71	Trẻ biết mình là con/cháu/anh/chị/ em trong gia đình.	Vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gia đình và lớp học.	1,3
72	Trẻ biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức.	Thực hiện công việc được giao (Trực nhật, xếp dọn đồ chơi...)	1,3
73	Trẻ cố gắng tự hoàn thành công việc được giao.		
74	Trẻ biết tự làm một số việc đơn giản hàng ngày (Vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi...)	Chủ động và độc lập trong một số hoạt động.	4
75	Trẻ nhận biết một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ... qua tranh, qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác.	Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (Vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh, âm nhạc.	2,5
76	Trẻ biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ.	Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau.	6
77	Trẻ biết an ủi và chia vui với người thân và bạn bè. - Biết kiềm chế cảm xúc tiêu cực khi được an ủi, giải thích.	- Mối liên hệ giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác. - Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình.	1,3
78	Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (Chỗ ở, nơi làm việc..).	Kính yêu Bác Hồ	9
79	Trẻ biết thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.		
80	Trẻ biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống (Trang phục, món ăn..) của quê hương, đất nước	Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.	9
81	Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình và nơi	- Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ	1,3,6,7

TT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
	công cộng: Sau khi chơi biết cất đồ chơi vào nơi quy định, không làm ồn nơi công cộng, vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép.	chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường) khi đi đường nông thôn, đường quốc lộ. - Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi "đúng" - "Sai"; "Tốt" - "Xấu".	
82	Trẻ biết nói lời cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép - Có hành vi thích hợp trong ứng xử xã hội.	Sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép, lịch sự.	1,3
83	Trẻ chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác.	Lắng nghe ý kiến của người khác	2
84	Trẻ biết chờ đến lượt: - Nhận ra việc làm của mình có ảnh hưởng đến người khác	Chờ đến lượt.	6
85	Trẻ biết lắng nghe ý kiến, trao đổi, thỏa thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn. - Dễ hòa đồng với bạn bè trong nhóm chơi - Thích chia sẻ cảm xúc, kinh nghiệm, đồ dùng, đồ chơi với những người gần gũi; thể hiện sự thân thiện, đoàn kết với bạn bè.	Quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ bạn.	4
86	Trẻ biết tìm cách giải quyết mâu thuẫn (Dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn). - Biết chủ động giao tiếp với bạn và người lớn gần gũi - Chấp nhận sự phân công của nhóm bạn và người lớn.	Tôn trọng, hợp tác, chấp nhận.	7
87	Trẻ thích chăm sóc cây, con vật quen thuộc.	Bảo vệ, chăm sóc con vật và cây cối, bảo vệ rừng.	5,6
88	Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định.		1
89	Trẻ biết nhắc nhở người khác giữ gìn vệ sinh môi trường (không vứt rác bừa bãi, bẻ cành, ngắt hoa..). - Có hành vi bảo vệ môi trường trong sinh hoạt hằng ngày.	Giữ gìn vệ sinh môi trường trong gia đình, bản làng, trường, lớp. - Bỏ rác đúng nơi quy định, phân loại rác thải.	6
90	Trẻ biết tiết kiệm trong sinh hoạt: tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng, khóa vòi nước	Tiết kiệm điện, nước (Ra khỏi phòng tắt quạt, điện, vặn vòi nước vừa đủ khi sử dụng, sử dụng xong	1,8

TT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
	sau khi dùng, không để thừa thức ăn.	khóa vòi nước...).	
5. Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ			
91	Trẻ tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, đánh điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng	Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.	6,8
92	Trẻ thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục...) của các tác phẩm tạo hình.		9
93	Trẻ chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện. Nghe bài vắn, bài thơ, bài hát, truyện tranh bằng Tiếng Anh rất đơn giản, đơn giản, phù hợp với lứa tuổi.	- Nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc cổ điển, nhạc dân tộc). - Nghe và nhận ra sắc thái (Vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc, nhạc dân tộc. - Nghe các bài hát đơn giản bằng tiếng Anh trong chương trình.	1->9
94	Trẻ biết hát đúng giai điệu, lời ca, hát điểm cảm phù hợp với sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ... Trẻ có thể hát theo được một số bài hát tiếng Anh quen thuộc với lứa tuổi	- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát. - Hát theo một số bài hát tiếng Anh đơn giản, phù hợp với lứa tuổi.	1->9
95	Trẻ vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (Vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa).	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu.	1->9
96	Trẻ phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm.	Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên, phế liệu để tạo ra các sản phẩm.	6,7
97	Trẻ phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.	Phối hợp các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước,	1->9

TT	Mục tiêu	Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
98	Trẻ phối hợp các kỹ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.	hình dáng/ đường nét và bố cục.	3->8
99	Trẻ biết phối hợp các kỹ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối.		1,2,4,5,6,9
100	Trẻ biết phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.		3,4,5,6,7
101	Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục.	Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét và bố cục.	7
102	Trẻ có khả năng tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích.	- Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát, bản nhạc yêu thích. - Đặt lời theo giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc (Một câu hoặc một đoạn).	5,8,9
103	Trẻ biết gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn.		
104	Trẻ biết nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	- Tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích. - Nói lên ý tưởng tạo hình của mình.	6,7
105	Biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	Đặt tên cho sản phẩm của mình.	4

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban giám hiệu nhà trường

- Triển khai kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ năm học 2025-2026 đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường.

- Hướng dẫn các tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch chỉ đạo của tổ chuyên môn; kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ của nhóm/ của lớp cụ thể, chi tiết phù hợp với điều kiện thực tế của nhóm/lớp.

- Tổ chức tốt việc giám sát đánh giá thực hiện Chương trình thông qua kiểm tra hoạt động sư phạm nhà giáo, kiểm tra nội bộ, thực hiện quy định về chuyên môn bằng các hình thức khác nhau.

- Tổ chức đánh giá kết quả triển khai thực hiện Chương trình giáo dục mầm non vào cuối năm học và việc chuẩn bị các điều kiện để thực hiện Chương trình trong những năm học tiếp theo.

2. Các tổ chuyên môn và văn phòng

Chỉ đạo các tổ trưởng chuyên môn và tổ văn phòng xây dựng kế hoạch

hoạt động chung của tổ theo tháng, năm học nhằm triển khai tới các thành viên trong tổ thực hiện tốt chương trình GDMN do Bộ GD&ĐT quy định; giúp hiệu trưởng quản lý tài chính, tài sản, lưu giữ hồ sơ của tổ.

Thực hiện bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả công việc của các thành viên trong tổ theo kế hoạch của nhà trường.

Thực hiện tốt nề nếp sinh hoạt chuyên môn tổ 2 lần/ tháng với nội dung đa dạng, phong phú và có chất lượng nhằm nâng cao chất lượng thực hiện chương trình GDMN.

Tham gia đánh giá, xếp loại nhân viên; giáo viên theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non.

3. Giáo viên

- Căn cứ vào Chương trình giáo dục mầm non, Kế hoạch nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục trẻ của nhà trường để xây dựng kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ theo năm học, chủ đề, tuần, ngày phù hợp với bối cảnh địa phương và tình hình thực tế của nhóm/lớp mình.

- Đảm bảo an toàn tuyệt đối về thể chất và tinh thần cho trẻ; thực hiện công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ theo quy định: lập kế hoạch chăm sóc, giáo dục; xây dựng môi trường giáo dục, tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ; đánh giá và quản lý trẻ; chịu trách nhiệm về chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ; tham gia các hoạt động của tổ chuyên môn, của nhà trường; trau dồi đạo đức, giữ gìn phẩm chất, danh dự, uy tín của nhà giáo; gương mẫu, thương yêu trẻ, đối xử công bằng và tôn trọng nhân cách của trẻ; bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng của trẻ; đoàn kết, giúp đỡ đồng nghiệp; tuyên truyền phổ biến kiến thức khoa học nuôi dạy trẻ cho cha mẹ trẻ.

- Chủ động phối hợp với gia đình trẻ để thực hiện mục tiêu giáo dục trẻ; rèn luyện sức khỏe; học tập văn hoá; bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ; thực hiện các nghĩa vụ công dân, các quy định của pháp luật và của ngành, các quy định của nhà trường, ngành nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ năm học.

4. Nhân viên

- Nhân viên nuôi dưỡng có sức khỏe tốt, nhiệt tình, có ý thức trách nhiệm trong công tác và trong việc thực hiện quy định về VSATTP đảm bảo chế biến món ăn đủ dinh dưỡng cho trẻ ăn bán trú. Đội ngũ nhân viên nấu ăn tham gia các lớp tập huấn kiến thức VSATTP và được cấp giấy chứng nhận VSATTP.

- Vệ sinh bếp ăn sạch sẽ, đảm bảo an toàn thực phẩm, không có ngộ độc xảy ra.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ năm học 2025-2026. Trường Mầm non xã Thanh Nưa yêu cầu các tổ chuyên môn, tổ văn phòng, giáo viên, nhân viên trong trường nghiêm túc thực hiện. Trong quá

trình thực hiện có gì khó khăn, vướng mắc trao đổi trực tiếp với phụ trách chuyên môn nhà trường để kịp thời giải quyết./.

Nơi nhận:

- CBQL (để c/đ)
- GV, NV trong trường (để t/h);
- Lưu: HSCM, VT.

HIỆU TRƯỞNG

Lê Thị Tuyết Hương